CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

SICCO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2016

Hà Nội, tháng 3 năm 2017

NGUYN CHÍNH I
Digitally signed by NGUYN CHÍNH I
Date: 2017.03.14 08:11:59 +07:00

MỤC LỤC

1. Thông tin cơ bản về Công ty 3
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển 5
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty 6
4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông 8
5. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính 9
6. Định hướng phát triển 11
7. Các rủi ro 12
I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 15
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 15
2. Tổ chức và nhân sự 16
3. Tình hình tài chính 30
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 31
II. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc 31
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 32
2. Tình hình tài chính 35
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý 46
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai 49
III. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty 50
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty 50
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty 51
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị 52
IV. Quản trị Công ty 54
1. Hội đồng quản trị 54
2. Ban kiểm soát 61
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát 62
V. Báo cáo tài chính 63
1. Ý kiến kiểm toán 63
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán 63
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP 66

THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

1. Thông tin cơ bản về Công ty

Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

Tên tiếng Anh : SONGDA 9 CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : SICCO

Logo : SICCO

Trụ sở chính : Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : (+84-4) 33868243.

Fax : (+84-4) 33868243.

Website : www.sicco.com.vn; www.sicco.vn

Email : info@sicco.com.vn

Vốn điều lệ đăng ký : 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

Vốn điều lệ thực góp : 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng).

Giấy chứng nhận ĐKKD số : 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11 tháng 08 năm 2016.

Ngành nghề kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 11 tháng 08 năm 2016, ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty như sau:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên

quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển.

- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật cồng kềnh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rowle, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp.
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Sản xuất , truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- **Từ năm 2006 đến năm 2007:** Nhà máy chế tạo cơ khí Sông Đà trực thuộc Công ty cổ phần Sông Đà 9. Nhiệm vụ chính:
    - Chế tạo, lắp đặt các cấu kiện cơ khí; sản xuất phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng và xe máy
    - Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, máy xây dựng và xe
    - Xây dựng đường dây và trạm biến thế
- **Từ năm 2007 đến năm 2010:** Công ty TNHH MTV cơ khí và sửa chữa Sông Đà 9. Nhiệm vụ chính:
    - Chế tạo, lắp đặt các cấu kiện cơ khí; sản xuất phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng và xe máy
    - Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, máy xây dựng và xe
    - Xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng, thiết bị công nghệ xây
    - Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp
    - Khai thác mỏ và sản xuất vật liệu xây dựng
- **Từ năm 2010 đến nay**: Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9: Sau khi cổ phần hóa, Công ty đã năng động hơn để thích ứng với điều kiện của kinh tế thị trường, mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh, chú trọng vào phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ, giao thông đường thủy, thủy điện, nhiệt điện, thủy lợi, xây lắp điện; từng bước chuyển dần một phần tỷ trọng xây lắp sang thương mại, dịch vụ, đầu tư. Tăng cường nhân lực chất lượng cao, máy móc thiết bị hiện đại. Bước đầu đơn vị đã thu được những thành quả rất khả quan, tốc độ phát triển nhanh và bền vững.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ tổ chức Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.

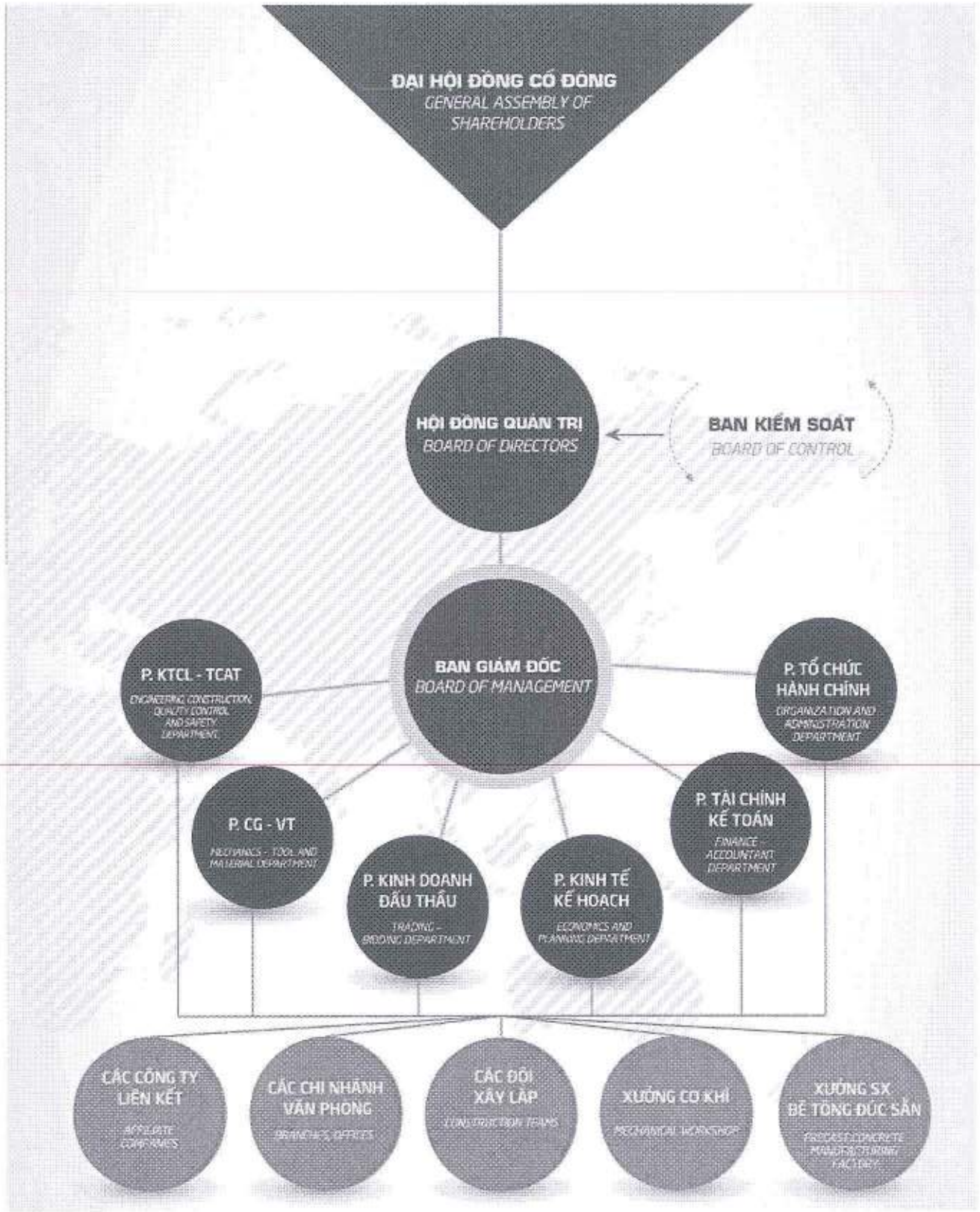

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, quyết định về đầu tư, kinh doanh, chuyển nhượng, thế chấp giá trị lớn, quyết định về sáp nhập, mua lại hợp nhất, chia tách công ty, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty được quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển của Công ty; xây dựng các kế hoạch phát triển kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức; quy chế quản lý; đưa ra các quyết định nhằm đạt được mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cơ cấu Hội đồng quản trị đương nhiệm:

- Ông Nguyễn Công Hùng - Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Chính Đại - Thành viên HĐQT
- Ông Hoàng Công Tuấn - Thành viên HĐQT
- Ông Lương Thanh Tùng - Thành viên HĐQT
- Ông Triệu Quang Hà - Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Giám đốc; trong ghi chép của sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với hội đồng quản trị và Ban giám đốc. Cơ cấu Ban kiểm soát đương nhiệm:

- Bà Trần Thị Len - Trưởng BKS
- Ông Cao Lữ Phi Hùng - Thành viên BKS
- Bà Quách Thị Thanh Thủy - Thành viên BKS

Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Ban Giám đốc gồm:

- Ông Nguyễn Chính Đại - Giám đốc
- Ông Hoàng Công Tuấn - Phó giám đốc
- Ông Nguyễn Quang Hưng - Phó giám đốc
- Ông Nguyễn Cao Hải - Phó giám đốc

Các phòng ban, đội

Các phòng ban, bộ phận trong Công ty thực hiện các công việc chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc được hiệu quả và đúng luật.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông

4.1 Cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Công ty giải pháp công nghệ Cao Việt Sifo	89 Đ.Đặng Dung – P.Tân Định – Q.1 – TP HCM	1.300.000	13
2	Công ty CP SCI	Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, Đ.Mễ Trì, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội	5.100.000	51
Tổng cộng:			**6.400.000**	**64**

4.2 Cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 gồm có:

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Loại cổ phần	Số cổ phần	Vốn góp (đồng)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Ông Nguyễn Đăng Lanh	Phòng 206 H4 phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội		40.000	400.000.000	0,8
2	Ông Nguyễn Công Hùng	P.1012 CT3B, KĐT Văn Quán, P.Văn Quán, Q.Hà Đông, Hà Nội.		50.000	500.000.000	1,0
3	Công ty cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, TP. Hà Nội		2.550.000	25.500.000.000	51,0
Tổng cộng:				**2.640.000**	**26.400.000.000**	**52,8**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 đã đi vào hoạt động từ ngày 31/05/2010 và căn cứ vào quy định tại điều 84, khoản 5, Luật Doanh nghiệp 2005 thì thời hạn hiệu lực của việc hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập là ngày 31/05/2013. Như vậy, đến thời điểm hiện nay mọi hạn chế chuyển nhượng đối với cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

4.3 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại ngày 31/12/2016 được phân loại như sau:

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	**Cổ đông trong nước**	**348**	**10.000.000**	**100.000.000.000**	**100**
	- Cá nhân	342	3.213.995	32.139.950.000	32,1
	- Tổ chức	6	6.786.005	67.860.050.000	67,9
2	**Cổ đông ngoài nước**	-	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-	-
	- Tổ chức	-	-	-	-
Tổng cộng:		**348**	**10.000.000**	**100.000.000.000**	**100**

5. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính

❖ Sản phẩm và dịch vụ chính

Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp thi công cơ giới các công trình thủy điện và thủy lợi, giao thông và hạ tầng, sản xuất cơ khí. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu từ các hoạt động này.

- **Lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi**

Công ty đã tham gia xây dựng Nhà máy thủy điện Sơn La, thủy điện Lai Châu, thủy điện Xêkaman 3, thủy điện Trung Sơn, thủy điện Nậm Khánh, Kè và chỉnh trị Sông Hồng và Sông Ninh Cơ, Nhiệt điện Long Phú, Nhiệt điện Vũng Áng, Nhiệt điện Long Phú, Đường Hồ Chí Minh đoạn Đà Nẵng, Thủy điện Ca Nan, Thủy điện NamTheun Lào … với các sản phẩm chủ yếu là: đập đầu mối; một số hạng mục công trình của tuyến năng lượng; khai thác mỏ vật liệu trong phạm vi công trình phục vụ cho xây lắp; hệ thống đường giao thông nội bộ công trường; tuyến ống áp lực của một số công trình thủy điện nhỏ… Tỷ trọng giá trị sản lượng và doanh thu của lĩnh vực này ước chiếm khoảng 70 - 80% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

- **Lĩnh vực giao thông**

Các công trình giao thông mà Công ty đảm nhận thi công bao gồm: Công trình đường giao thông bên Lào; Công trình thủy điện Ca Nan và Giao thông Lào; … Tỷ trọng giá trị sản

lượng của lĩnh vực này chiếm khoảng 15 - 20% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

- **Sản xuất cơ khí**

Sản xuất kinh doanh điện, sản xuất các cấu kiện cơ khí phi tiêu chuẩn. Ước tính tỷ trọng giá trị sản lượng của lĩnh vực này chiếm khoảng 5- 7% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty, bao gồm: Đường ống áp lực Thủy điện Nậm Khánh, đường ống áp lực thủy điện Nậm Ngần, cầu Bailey công trình Trung Sơn, cầu Bailey công trình Hủa Na, nhà xưởng Nhà máy xi măng Hạ Long...

- **Các lĩnh vực khác**

Dịch vụ kinh doanh vật tư săm lốp Đà Nẵng, kinh doanh khác, chiếm tỷ trọng khoảng 3 - 10% tổng sản lượng và doanh thu trong quá trình phát triển của Công ty.

Một số dự án của Công ty

Công trình nhiệt điện Long Phú

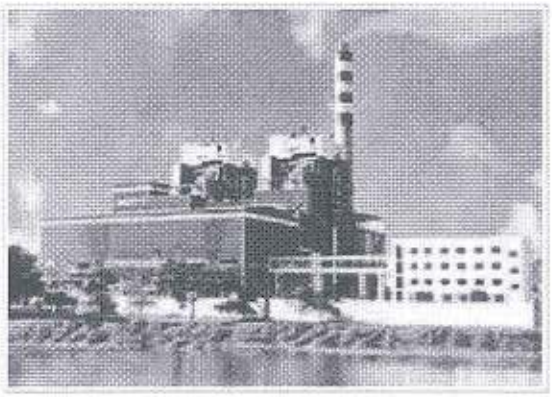

Công trình thủy điện Ca Nan

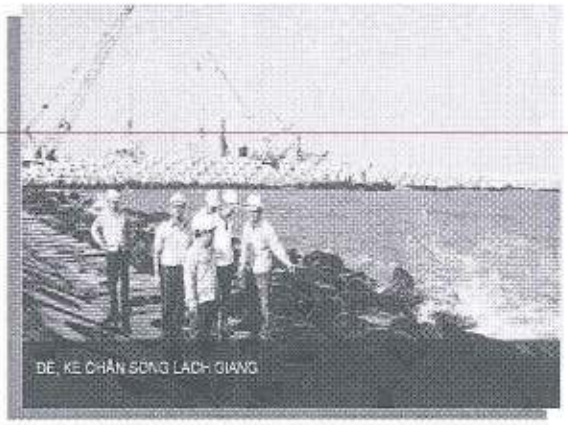

Dự án thủy điện Lai Châu

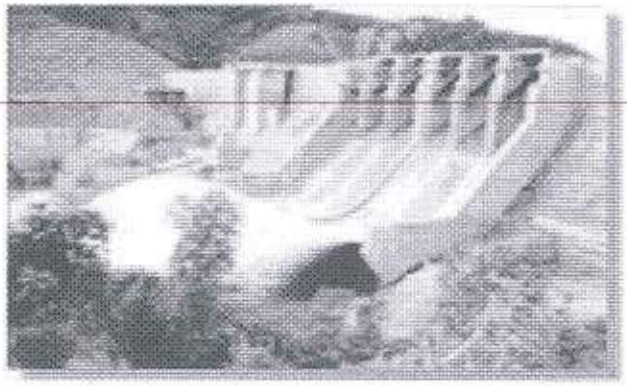

Công trình thủy điện Bảo Lâm

Công trình khai thác mỏ Núi Pháo

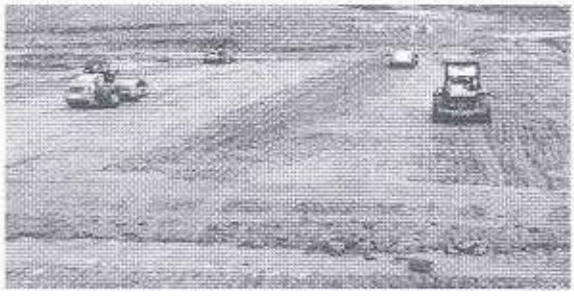

6. Định hướng phát triển

6.1. Chính sách chất lượng

"Chất lượng cho từng sản phẩm" luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (SICCO), là uy tín, danh dự để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều SICCO muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi. Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Để đảm bảo được chất lượng tốt nhất cho mỗi công trình Công ty tạo ra, Chúng tôi cam kết thiết lập và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, và cải tiến thường xuyên tính hiệu lực của Hệ thống chất lượng.

Xây dựng, duy trì,phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình.

Phương châm công ty đề ra :

i. Cung cấp các công trình xây dựng đảm bảo đạt "An toàn - Chất lượng - Tiến độ" và không ngừng cải tiến để đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng.

ii. Nâng cao sự hài lòng của khách hàng bằng việc liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng và chất lượng sản phẩm theo nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

iii. Tạo niềm tin và uy tín đối với khách hàng thông qua việc cung cấp các sản phẩm có chất lượng tốt, ổn định đáp ứng, thoả mãn các yêu cầu của khách hàng cũng như các yêu cầu của Luật pháp.

6.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Trong suốt quá trình phát triển của mình, Công ty luôn giữ vững phương châm "Chất lượng và đảm bảo tiến độ là thương hiệu", để đạt được điều đó Công ty đã không ngừng đầu tư công nghệ, đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực. Công ty luôn đưa ra những quyết sách phù hợp với tình hình thực tế từng thời kỳ để giữ vững vị thế là một trong những công ty hàng đầu về lĩnh vực thi công các công trình thủy lợi, thủy điện. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng vào các lĩnh vực khác như: kinh doanh sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình, cung cấp săm lốp... góp phần nâng cao doanh thu cho công ty. Cụ thể như sau:

- Tập trung thi công các công trình đã ký kết, đảm bảo đúng tiến độ, đúng chất lượng kỹ thuật.

- Nhanh chóng nghiệm thu các công trình đã hoàn thành, thúc đẩy quá trình thu hồi vốn để tái sản xuất.

- Nghiên cứu công nghệ mới, phục vụ cho quá trình thi công.

- Nâng cao hơn nữa hoạt động Marketing trong thời gian tới, tham gia đấu thầu các công tr ình, các dự án trọng điểm, đặc biệt là các dự án về Thủy điện.

6.3. Mục tiêu phát triển trong năm 2017

Năm 2017, theo xác định của Công ty là một năm mang tính chất bản lề, quan trọng để Công ty thực hiện theo chiến lược phát triển trung hạn. Để thực hiện được điều đó, Công ty tiếp tục tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng, tay nghề của nguồn nhân lực cũng như đầu tư dây chuyền, thiết bị và công nghệ thi công trong lĩnh vực thi công xây lắp hạ tầng kỹ thuật và giao thông:

- Khẳng định hơn nữa thương hiệu Công ty trong lĩnh vực thi công cơ giới các công trình nhiệt điện, thủy lợi và thủy điện và các công trình khác bằng việc thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả và an toàn các công trình: công trình thủy điện Bắc Mê, đường giao thông bên Lào, Công trình thủy điện Canan 1,2, Công trình nhiệt điện Long Phú...

- Đầu tư xe máy, thiết bị, công nghệ phục vụ thi công công trình thủy điện Cana 1,2; đầu tư dây chuyền, thiết bị thi công móng mặt đường, trạm trộn asphalt và các công nghệ thi công hiện đại để phục vụ thi công dự án Đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn – Túy Loan. Bên cạnh đó cũng tăng cường đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ thi công các công trình này. Bằng việc thực hiện thi công tốt các công trình này, Công ty sẽ bước đầu khẳng định được thương hiệu, vị thế trong lĩnh vực thi công công trình Hạ tầng kỹ thuật và giao thông.

- Tiếp tục cải tiến quy trình quản lý, sản xuất và mở rộng thị trường cho lĩnh vực sản xuất, gia công cơ khí để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Tiếp thị, mở rộng thị trường cho việc kinh doanh dịch vụ: cung cấp săm lốp và xi măng cho các Công ty, đơn vị thuộc Tổng Công ty Sông Đà đồng thời mở rộng ra cung cấp các sản phẩm bê tông dự ứng lực, bê tông đúc sẵn cho các dự án khu vực Miền Bắc.

- Tăng cường quản lý, ứng dụng tiến bộ trong lĩnh vực công nghệ thông tin vào quản lý để nhằm nâng cao hiệu quả cũng như giảm chi phí trong việc quản lý xe máy, thiết bị thi công của công ty qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc thực hiện thành công kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh năm 2016 sẽ là tiền đề, cơ sở quan trọng để thực hiện định hướng, chiến lược phát triển của Công ty, tạo đà cho sự phát triển lâu dài và bền vững, tạo nên và khẳng định một thương hiệu Công ty lớn mạnh.

7. Các rủi ro

7.1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9. Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái....

❖ **Rủi ro tăng trưởng**

- Tốc độ tăng trưởng GDP là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành trong nền kinh tế. Theo số liệu báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, kinh tế trong 9 tháng đầu năm 2016 có những chuyển biến tích cực, tốc độ tăng

trưởng GDP đạt mức 6,5%, là mức tăng cao nhất so với cùng kỳ 4 năm trước (cùng kỳ năm 2011: 6,03%; năm 2012: 5,1%; năm 2013: 5,14%; năm 2014: 5,53%), trong đó hầu hết các khu vực kinh tế đều tăng trưởng tốt như khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước tăng 2,08% (cùng kỳ năm 2015: 2,94%); khu vực công nghiệp và xây dựng ước tăng 9,57% (cùng kỳ năm 2015: 5,75%); dịch vụ ước tăng 6,17% (cùng kỳ năm 2015: 5,94%).

- Sự phát triển của ngành xây dựng phụ thuộc nhiều vào tốc độ tăng trưởng kinh tế. Khi nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi trở lại, Chính phủ sẽ tăng mức giải ngân vào lĩnh vực xây dựng, đặc biệt là xây dựng cơ sở hạ tầng. Cùng với đó là sự đầu tư mạnh mẽ của các doanh nghiệp FDI trong thời gian gần đây cũng đã góp phần khiến giá trị ngành xây dựng tăng mạnh. Hơn thế, kinh tế khởi sắc cũng giúp cho ngành bất động sản ấm lên, tạo động lực cho các chủ đầu tư quay trở lại hoàn thiện tiếp dự án bị đình trệ và phát triển thêm những dự án mới khác.
- Như vậy, triển vọng tích cực của nền kinh tế sẽ làm giảm rủi ro kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và CTCP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 nói riêng.

❖ **Lạm phát**

- Từ mức lạm phát 2 con số vào những năm trước 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, dẫn đến việc lạm phát đã giảm xuống chỉ còn 6,84% năm 2012; 6,04% năm 2013; 4,09% năm 2014. Lạm phát tiếp tục được kiểm soát tốt trong 9 tháng đầu năm 2015 khi tốc độ tăng của chỉ số giá CPI qua các tháng đều ở mức rất thấp, thậm chí còn giảm -0.21% vào tháng 9/2015. Tính trung bình 9 tháng đầu năm 2016, CPI cả nước chỉ tăng 0,75% so với cùng kỳ (Biểu đồ bên dưới). Lạm phát và kỳ vọng lạm phát thấp sẽ giúp cho mặt bằng lãi suất ổn định giúp hỗ trợ cho các kế hoạch sản xuất kinh doanh của các Công ty trong đó có Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 là doanh nghiệp sản xuất nên luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát trong 2011-2016 đã ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

❖ **Lãi suất**

Hiện nay, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành chính sách lãi suất theo hướng giảm dần, phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ và đặc biệt là lạm phát để giảm mặt bằng lãi suất cho vay, góp phần tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Từ đầu năm 2012 đến nay, mặt bằng lãi suất huy động đã giảm mạnh, từ đó các doanh nghiệp trong nước có thể tiếp cận được vốn vay với chi phí lãi vay rẻ hơn. Từ mức lãi suất trên 20% những năm 2010 – 2011, lãi suất cho vay thời điểm cuối năm 2016 đã giảm mạnh xuống phổ biến ở mức 8-9 %/ năm.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 có sử dụng vốn vay ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm

trong những năm gần đây có tác dụng tích cực, góp phần làm giảm chi phí lãi vay ngân hàng và tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

❖ **Tỷ giá hối đoái**

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ. Do vậy các biến động tỷ giá hối đoái sẽ làm thay đổi chi phí sản xuất (tính ra đồng Việt Nam) của Công ty.

7.2. Rủi ro pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập, các luật về đất đai, xây dựng, môi trường,... Đồng thời, Công ty cũng chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành Xây dựng, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Tuy nhiên, hiện nay hệ thống Pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật kịp thời những thay đổi trong môi trường pháp luật để định hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

7.3. Rủi ro đặc thù

❖ **Rủi ro biến động giá nhiên liệu đầu vào**

Công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng. Để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Hiện nay, nguồn nhiên liệu sử dụng trong nền kinh tế phần lớn phụ thuộc vào nhập khẩu. Trong thời gian qua, giá cả các loại nhiên liệu nhập khẩu biến động thất thường, chủ yếu là do những bất ổn về chính trị tại một số khu vực trên thế giới, hoặc do sự thay đổi trong chính sách khai thác, dự trữ nhiên liệu của một số quốc gia có nền công nghiệp dầu mỏ hoặc nền kinh tế phát triển. Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của giá cả vật tư, nhiên liệu đầu vào đến kết quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động. Mặc dù vậy, có thể nói đây vẫn là rủi ro lớn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ **Rủi ro khoản phải thu khó đòi**

Do đặc điểm của ngành xây dựng, các công trình thi công thường kéo dài qua nhiều năm, thời gian quyết toán, hoàn thiện hồ sơ thi công giữa các bên và thời gian thanh toán các công trình, hạng mục công trình kéo dài. Đặc điểm này tiềm ẩn rủi ro tài chính và khả năng trả nợ của Công ty khi có khách hàng bị phá sản, mất khả năng thanh toán, hoặc khi các công trình thi công bị thiệt hại do các nguyên nhân khách quan... Để giảm thiểu rủi ro này, công ty sẽ đánh giá kỹ các công trình thực hiện và năng lực tài chính của chủ đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư ứng trước theo từng giai đoạn công trình.

❖ **Rủi ro vận hành**

Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chủ đầu tư về tiến độ thi công các công trình, hạng mục công trình, nhiều khi Công ty phải tiến hành thi công xây dựng trong những điều kiện thời tiết xấu, địa hình phức tạp, có thể xảy ra tai nạn lao động, hỏng hóc và ngưng trệ hoạt động máy móc thiết bị, gián đoạn quá trình thi công, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

7.4. Rủi ro khác

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra. Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2016 là một năm có nhiều khó khăn cho ngành xây lắp, nhưng ngay từ khi xây dựng kế hoạch Công ty đã phân tích và định hướng mục tiêu phù hợp với tình hình kinh tế xã hội, dừng và giãn các dự án đầu tư, tập trung cho công tác xây lắp, tìm kiếm và bám các công trình dự án mới có kế hoạch nguồn vốn cụ thể; Phân công cụ thể, quyết liệt bám sát chỉ đạo và thực hiện triển khai theo kế hoạch từng tháng, quý... Do vậy kết quả năm 2015 các chỉ tiêu giá trị sản lượng và doanh số đều hoàn thành vượt mức kế.

Hoạt động thi công xây lắp:

Công ty đã tham gia thực hiện thi công nhiều phần việc trên những công trình trọng điểm của đất nước như: Thi công cải tạo đường sông Ninh Cơ – Nam Định, Thi công nâng cấp mạng lưới giao thông Bắc Lào tại tỉnh Huaphan – Lào, Thi công một phần hạng mục Công trình dự án khai thác và chế biến khoáng sản Núi Pháo – Thái Nguyên, Thi công gói thầu San lấp mặt bằng và xây dựng hàng rào khu vự Dự án Sân phân phối 500KV và 220KV Trung tâm điện lực Long Phú, Thi công đào, đắp đất đá các hạng mục chính thuộc gói thầu XD01, XD02, XD03 – Dự án thủy điện Bắc Mê, Thi công xây lắp đoạn Km 1283+250 – Km 1293+ 800 thuộc Dự án đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc lộ 1 đoạn từ Km 1265 + 00 đến Km 1353 +300 tỉnh Phú Yên, đường Hồ Chí Minh đoạn Đà Nẵng, Dự án thủy điện Ca Nan, Nhiệt điện Long Phú, công trình giao thông Lào.

Kết quả thực hiện so với kế hoạch năm:

Một số chỉ tiêu chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2016	Tỷ lệ % thực hiện năm 2016	
				so với kế hoạch năm 2016	so với thực hiện năm 2015
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	10^6 đ	442,132	116.35%	137.00%
2	Doanh thu	10^6 đ	358,062	105.03%	122.51%
3	Tiền về tài khoản	10^6 đ	386,993	110.57%	184.94%
4	Lợi nhuận trước thuế	10^6 đ	5,203	43.36%	28.71%
5	Thu nhập bình quân người /tháng	10^3 đ	8,200	103.80%	107.89%

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Toàn bộ các chỉ tiêu chủ yếu như giá trị sản xuất kinh doanh, tổng doanh thu, lợi nhuận, tiền về tài khoản và Thu nhập bình quân đầu người đều hoàn thành vượt mức kế hoạch năm và có tăng trưởng so với năm 2015.

Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã quyết liệt bám sát chỉ đạo thực hiện tốt kê hoạch tiến độ thi công, sản xuất xây lắp từ các công trình; thường xuyên thực hiện các biện pháp giám sát thực hiện để tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; bám sát thu vốn theo tiến độ đã được chủ đầu tư ký kết. Chính vì vậy, mặc dù trong năm 2016 gặp nhiều khó khăn nhưng lợi nhuận trước thuế vẫn có tăng trưởng đáng kể so với năm 2015.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Hội đồng quản trị

- Ông Nguyễn Công Hùng — Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Chính Đại — Thành viên HĐQT
- Ông Hoàng Công Tuấn — Thành viên HĐQT
- Ông Lương Thanh Tùng — Thành viên HĐQT
- Ông Triệu Quang Hà — Thành viên HĐQT

❖ **Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Công Hùng — Chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 21/8/1978.
- Nơi sinh: Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị.
- Số CMTND: 017389016 ngày cấp: 19/5/2012 tại CA Hà Nội.

- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hải Lâm, Hải Lăng, Quảng Trị.
- Địa chỉ thường trú: P1012, CT3B Khu đô thị Văn Quán,Hà Đông,Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 2004 ÷ 2005: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty cổ phần Sông Đà 909.
  + 2005 ÷ 2009: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 909 kiêm Giám đốc Xí nghiệp 1.
  + 2009 ÷ 5/2010: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí 1.
  + 05/2010 ÷ 17/04/2014: Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  + 18/04/2014 đến 15/01/2015: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  + 16/01/2015 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Cổ phần SCI
- Số cổ phần nắm giữ: 268.845 cổ phần.

  Trong đó:
  + Sở hữu cá nhân: 268.845 cổ phần.
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

Ông Nguyễn Chính Đại **Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 21/04/1978.
- Nơi sinh: Phú xuyên, TP. Hà Nội.
- Số CMTND: 013025232 ngày cấp: 28/11/2008 tại CA TP Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Phú Xuyên, TP. Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: 11, tổ 31, Thanh Lương, Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và Công nghiệp.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 2001 ÷ 2003: Kỹ sư giám sát Công ty Liên doanh xây dựng quốc tế VIC;
  + 2003 ÷ 2004: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Hà Nội;
  + 2004 ÷ 2007: Phó giám đốc Xí nghiệp 1- Công ty cổ phần Sông đà 909;
  + 2007 ÷ 2009: Giám đốc BQL Dự án Nhà máy thủy điện Phình Hồ - Công ty cổ phần Sông đà 909;
  + 2010 đến 2016: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc - Công ty CP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9.
  + 20016 đến nay: Giám đốc công ty CP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9
- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1.522.000 cổ phần.

  Trong đó:
  + Sở hữu: 22.000 cổ phần.
  + Đại diện sở hữu: 1.500.000 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

Ông Hoàng Công Tuấn **Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 17/03/1977.
- Nơi sinh: Nghệ An.
- Số CMND: 017533043 cấp ngày 23/01/2014 tại CA Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Diễn Thành, Diễn Châu, Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú: KĐT Văn Quán, Yên Phúc, Phúc La, Hà Đông, Hà Nội.
- Trình độ học vấn: Kỹ sư xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 2004 ÷ 2009: Phó Giám đốc Xí nghiệp I - Công ty cổ phần Sông Đà 909;
  + 2010 ÷ 15/01/2015: Phó Giám đốc - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
  + 16/01/2015 ÷ 29/01/2015: Giám đốc - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.

+ 29/01/2015 đến 2016: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.

+ Từ 2016 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm phó Giám đốc - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.

+ Chức vụ hiện nay tại Công ty : Thành viên HĐQT kiêm phó Giám đốc - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.

- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 21.000 cổ phần.

Trong đó:

+ Sở hữu: 21.000 cổ phần.

+ Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

Ông Lương Thanh Tùng **Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 22/07/1978.
- Nơi sinh: Hòa Bình
- Số CMND: 012863658
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: P. Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
- Địa chỉ thường trú: Số 27, ngõ 154, phố Phương Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ học vấn: Kỹ sư kinh tế xây dựng + Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:

+ Từ tháng 8/2001 đến tháng 4/2002: Chuyên viên phòng dự án và Tư vấn đấu thầu - Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà

+ Từ tháng 4/2002 đến tháng 10/2004 : Phó phòng dự án và Tư vấn đấu thầu - Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà.

+ Từ tháng 10/2004 đến tháng 10/2009 : Trưởng phòng dự án và Tư vấn đấu thầu - Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà.

+ Từ tháng 10/2009 đến tháng 7/2010 : Phó tổng giám đốc Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà.

+ Từ tháng 4/2010 đến tháng 7/2010 : Kiêm nhiệm Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà.

+ Từ tháng 8/2010 đến 28/01/2015: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hạ Long
+ Từ tháng 01/2010 đến 06/2015: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hạ Long
+ 01/2015 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
+ 04/2015 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần SCI
+ 06/2015 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần SCI

- Chức vụ tại các tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty Cổ phần SCI
- Số cổ phần nắm giữ: 1.500.000 cổ phần.

Trong đó:

+ Sở hữu: 0 cổ phần.
+ Đại diện sở hữu: 1.500.000 cổ phần.

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

Ông Triệu Quang Hà **Thành viên HĐQT**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 03/09/1975
- Nơi sinh: Thanh Hóa
- Số CMND: 012863658
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán:
- Địa chỉ thường trú: 19 ngách 612/54 Đê La Thành, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ học vấn: Huấn luyện viên bóng đá
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + Từ tháng 1993 - 2003: Huấn luyện viên CLB Bóng đá Thể công và Đội tuyển Quốc gia
  + Từ tháng 2006 – 2008: Huấn luyện viên CLB bóng đá TNT
  + Từ tháng 2010 - 2011: Huấn luyện viên Đội bóng đá U19 Quốc gia
  + Từ tháng 2011 - 2012: Huấn luyện viên CLB Bóng đá Thanh Hóa.
  + Từ 2013 đến nay: Giám đốc công ty cổ phần đào tạo và phát triển thể thao Quang Hà
  + Từ tháng 04/2016 đến nay: Thành viên hội đồng quản trị công ty CP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9

+ Chức vụ tại các tổ chức khác: Giám đốc công ty cổ phần đào tạo và phát triển thể thao Quang Hà

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

  Trong đó:

  + Sở hữu: 0 cổ phần.
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

2.2 Ban kiểm soát

- Bà Trần Thị Len — Trưởng BKS
- Ông Cao Lữ Phi Hùng — Thành viên BKS
- Bà Quách Thị Thanh Thủy — Thành viên BKS

❖ **Sơ yếu lý lịch của Ban kiểm soát**

Bà Trần Thị Len — Trưởng Ban kiểm soát

- Giới tính: Nữ.
- Năm sinh: 29/08/1984.
- Nơi sinh: Nam Định
- Số CMTND: 036184000332 ngày cấp: 17/11/2014 tại CA TP Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Số nhà 2C8B khu C trường Học viện An Ninh, Văn Quán, Hà Đông, TP.Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Tài chính Ngân hàng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 6/2006 đến 03/2008: Kế toán tổng hợp Cty TNHH Đại Lâm
  + 03/2008 đến 02/2014: Kế toán tổng hợp Cty CP Sông Đà 5
  + 02/2014 đến tháng 09/2014: Kế toán tổng hợp Cty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện
  + 01/1998 ÷ 11/1999: Kế toán trưởng Công ty may Sông Đà 20;
  + Từ 06/2014 đến nay: Thành viên BKS Cty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện Miền Trung;
  + Từ 29/01/2015 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9.

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Phó Kế toán trưởng Cty CP Đầu tư và Xây dựng Bưu Điện
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

  Trong đó:
  + Sở hữu: 0 cổ phần.
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

Ông Cao Lữ Phi Hùng **Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nam
- Ngày sinh : 12/01/1987
- Nơi sinh: Đông Hà, Quảng Trị
- Số CMTND: 197196172 ngày cấp 18/07/2012 nơi cấp: CA Hà Nội.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Đông Hà, Quảng Trị
- Địa chỉ thường trú: Đông Hà, Quảng Trị
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ chuyên ngành tài chính kế toán
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 06/2010 đến 06/2012: Chuyên viên kiểm toán Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC.
  + 07/2012 đến 03/2013: Chuyên viên Công ty Cổ phần đầu tư tài chính VABE
  + 04/2013 đến 05/2014: Chuyên viên tại Trường đại học kinh tế - Đại học quốc gia Hà Nội
  + 06/2014 đến 07/2014: Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  + 07/2014 đến 12/2014: Nhân viên phòng tài chính kế toán Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 kiêm TV.BKS Công ty CP SCI
  + 01/2015 đến 06/2015: Phó kế toán trưởng Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 kiêm TV.BKS Công ty CP SCI
  + 06/2015 đến 07/2015: Phó kế toán trưởng Công ty CP SCI
  + 07/2015 đến nay: TV.BKS Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 kiêm Kế toán trưởng Công ty CP SCI

- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần SCI
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

  Trong đó:

  + Sở hữu: 0 cổ phần.
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

Bà Quách Thị Thanh Thủy **Thành viên Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nữ.
- Ngày tháng năm sinh: 06/04/1988.
- Nơi sinh: Đan Phượng, Hà Nội.
- Số CMTND: 112243313 ngày cấp 14/06/2005 nơi cấp: CA Hà Tây.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Đan Phượng, Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: Tân Lập, Đan Phượng, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Kế toán Kiểm toán – Học viện Tài Chính.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 6/2010 - 06/2015: Kiểm toán viên / Trợ lý kiểm toán Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.
  + 07/2015 - nay: Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần SCI.
  + 12/2015 - nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần SCI Lai Châu.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần SCI Lai Châu.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

  Trong đó:

  + Sở hữu: 0 cổ phần.
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

2.3 Ban giám đốc

- Ông Nguyễn Chính Đại Giám đốc
- Ông Hoàng Công Tuấn Phó giám đốc
- Ông Nguyễn Quang Hưng Phó giám đốc
- Ông Nguyễn Cao Hải Phó giám đốc

❖ **Sơ yếu lý lịch của Ban Giám đốc**

- **Ông Nguyễn Chính Đại** **Giám đốc (như trên)**
- **Hoàng Công Tuấn** **Phó giám đốc (như trên)**
- **Nguyễn Cao Hải** **Phó Giám đốc**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 20/08/1979
- Nơi sinh: Tây Giang, Tiền Hải, Thái Bình.
- Số CMTND: 151267376
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Tây Giang, Tiền Hải, Thái Bình.
- Địa chỉ thường trú: Tây Giang, Tiền Hải, Thái Bình.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng đường bộ.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 6/2002÷8/2004: Chuyên viên phòng Kỹ thuật tổng công ty cổ phần thương mại xây dựng
  + 9/2004÷05/2009: Đội trưởng thi công tổng công ty cổ phần thương mại xây dựng
  + 05/2009÷9/2009: Phó giám đốc công ty CP ĐT& XD điện Long Hội – Thuộc Tổng công ty CP thương mại xây dựng
  + 9/2009÷5/2010: Giám đốc công ty CP ĐT& XD điện Long Hội – Thuộc Tổng công ty CP thương mại xây dựng
  + 6/2010÷01/2012: Đội trưởng thi công công ty CP XD & ĐT Sông Đà 9
  + 03/2012÷11/2013: Phó phòng kỹ thuật công ty cổ phần Sông Đà 9
  + 11/2013÷08/2015: Phó giám đốc ban điều hành MD2 công ty cổ phần Sông Đà 9
  + 09/2015÷05/2016: Đội trưởng thi công công ty CP XD & ĐT Sông Đà 9
  + 05/2016 đến nay: Phó giám đốc công ty CP XD & ĐT Sông Đà 9
- Chức vụ hiện tại tại công ty: Phó giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.

- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.

  Trong đó:
  + Sở hữu: 0 cổ phần.
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

Ông Nguyễn Quang Hưng **Phó Giám đốc**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 13/11/1980.
- Nơi sinh: Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội.
- Số CMTND: 111350501 ngày cấp: 28/06/2004 nơi cấp CA tỉnh Hà Tây.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Cao Dương, Thanh Oai, Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: Phòng 709, Tầng 7, nhà CT1 B1 Khu đô thị Xa La, Hà Đông, Hà Nội.
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật - Kỹ sư xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + 03/2003÷12/2003: Chuyên viên phòng Kỹ thuật, Ban điều hành DATĐ Tuyên Quang;
  + 2004 ÷ 2009: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch - Công ty CP Sông Đà 909;
  + 2010 ÷ 17/04/2014: Thành viên Ban kiểm soát Công ty, Phó giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9;
  + Từ 18/04/2014 đến nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
- Chức vụ hiện tại tại công ty: Phó giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 12.500 cổ phần.

  Trong đó:
  + Sở hữu: 12.500 cổ phần.
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

2.4 Kế toán trưởng

❖ **Sơ yếu lý lịch của Kế toán trưởng**

Ông Phan Thanh Hải **Kế toán trưởng Công ty**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 07/01/1984.
- Nơi sinh: Quỳ Châu, Nghệ An.
- Số CMTND: 040084000004
- ngày cấp: 30/10/2012
- nơi cấp: CSQLHC&TTXH.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Quỳ Châu, Nghệ An.
- Địa chỉ thường trú: Ngọc Trục, Đại Mỗ, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
  + Từ 8/2007 ÷ 12/2008: Kỹ sư công ty TNHH hệ thống thông tin FPT
  + Từ 01/2009 ÷ 8/2010: Kỹ sư công ty cổ phần hệ thống thông tin FPT
  + Từ 9/2010 đến 6/2011: NV P.TCKT công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  + Từ 07/2011 đến 7/2012: Phó phòng TCHC công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  + Từ 08/2012 đến 04/2014: Đội phó thi công công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
  + Từ 05/2014 đến 07/2016: TV BKS kiêm trợ lý giám đốc
  + Từ 07/2016 đến nay: Kế toán trưởng công ty CP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Kế toán trưởng Công ty CP XD&ĐT Sông Đà 9.
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 1400 cổ phần.

  Trong đó:
  + Sở hữu: 1400 cổ phần.
  + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

2.5 Cơ cấu nhân sự công ty và chế độ cho người lao động

1.1. CHẤT LƯỢNG LAO ĐỘNG

1.1.1 BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ
I	**Hội đồng quản trị**			
1	Nguyễn Công Hùng	1978	Chủ tịch	Kỹ sư xây dựng
2	Hoàng Công Tuấn	1977	Thành viên	Kỹ sư xây dựng
3	Lương Thanh Tùng	1978	Thành viên	Kỹ sư xây dựng
4	Nguyễn Chính Đại	1978	Thành viên	Kỹ sư xây dựng
5	Triệu Quang Hà	1975	Thành viên	Cử nhân luật
II	**Ban Giám đốc**			
1	Nguyễn Chính Đại	1978	Giám đốc	Kỹ sư xây dựng
2	Hoàng Công Tuấn	1977	Phó giám đốc	Kỹ sư xây dựng
3	Nguyễn Quang Hưng	1980	Phó giám đốc	Thạc sỹ kỹ thuật
4	Nguyễn Cao Hải	1979	Phó giám đốc	Kỹ sư xây dựng

1.1.2. LAO ĐỘNG GIÁN TIẾP

TT	Nghề nghiệp	Tổng số	Riêng nữ	Trong đó			
				Lãnh đạo		Nhân viên	
				Tổng số	Riêng nữ	Tổng số	Riêng nữ
	Tổng cộng	**126**	**12**	**11**	**0**	**117**	**12**
I	**Trên đại học**	**2**	**0**	**2**	**0**	**0**	**0**
II	**Đại học**	**97**	**7**	**8**	**0**	**91**	**7**
1	KS xây dựng	30	0	3	0	27	0
2	KS thủy lợi	20	0	2	0	18	0
3	KS cầu đường	14	0	0	0	14	0

4	KS trắc địa	6	0	0	0	6	0
5	KS địa chất, KS mỏ	2	0	1	0	1	0
6	Kỹ sư máy xây dựng	6	0	1	0	5	0
7	Kỹ sư cảng - đường thủy	5	0	0	0	5	0
8	CN Tài chính	8	5	0	0	8	5
9	Cử nhân kinh tế	6	2	1	0	7	2
III	**Cao đẳng**	**8**	**1**	**1**	**0**	**7**	**1**
IV	**Trung cấp**	**19**	**4**	**0**	**0**	**19**	**4**

1.1.3. LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP

TT	Nghề nghiệp	Số lượng	Ghi chú
	Tổng cộng	**539**	
I	**Thợ vận hành máy**	**337**	
1	Lái ô tô	128	
2	Thợ vận hành máy xúc	57	
3	Thợ vận hành máy ủi	17	
4	Thợ vận hành máy lu	20	
5	Thợ vận hành máy san, rải	9	
6	Thợ vận hành trạm trộn	39	
7	Thợ vận hành cần cẩu	14	
8	Thợ vận hành máy khác	24	
9	Thợ vận hành tàu kéo, salan	4	
10	Thợ vận hành máy đóng cọc	4	
11	Thợ vận hành máy khoan	8	

12	Thợ vận hành trạm nghiền	13	
II	**Thợ Cơ khí**	**62**	
1	Thợ hàn	47	
2	Thợ điện	15	
III	**Công nhân xây dựng**	**140**	

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: 8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản. CBCNV được nghỉ lễ và tết 8 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 06 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

Chính sách tuyển dụng thu hút nhân tài

Dựa vào nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, hàng năm, Công ty đề xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, …

Với những chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn, đào tạo ngắn ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ cho cán bộ kỹ thuật.

Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Người lao động làm việc có hiệu quả cao, chất lượng phục vụ tốt, Ban giám đốc căn cứ vào kết quả lao động, quy chế của Công ty để xét thưởng.

3. Tình hình tài chính

3.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	% tăng(+) giảm(-)
Tổng giá trị tài sản	566.512.284.071	362.574.493.583	
Doanh thu thuần	358.062.577.408	292.273.178.295	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.565.099.548	18.688.854.088	
Lợi nhuận khác	647.699.944	(565.499.566)	
Lợi nhuận trước thuế	5.212.799.492	18.123.354..522	
Lợi nhuận sau thuế	4.325.424.870	14.055.511.565	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức		5%	

3.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,09	1,3
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn		0,65	0,77
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	77,55	65,63
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu		345,36	190,97
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân	Vòng	2,18	2,61
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	1,21	4,81
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		3,39	11,28
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,76	3,88
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần		1,27	6,39

Khả năng thanh toán

Các chỉ số đo lường khả năng thanh toán của Công ty năm 2016 giảm so với năm 2015. Khả năng thanh toán giảm do tốc độ tăng của nợ ngắn hạn lớn hơn tốc độ tăng của tài sản ngắn

hạn. Bên cạnh đó, hàng tồn kho cũng tăng nhanh. Hàng tồn kho năm 2016 tăng gấp hơn 1,6 lần hàng tồn kho năm 2015.

Cơ cấu vốn

Năm 2015 và năm 2016, Công ty duy trì mức vay nợ khá cao. Nợ chiếm hơn 70% trong tổng nguồn vốn của Công ty. Do đặc thù của lĩnh vực thi công xây dựng nên tài chính Công ty phụ thuộc tương đốivào vay nợ và các khoản chiếm dụng của bên thứ ba.

Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho và vòng quay tổng tài sản năm 2016 giảm so với năm 2015, do hàng tồn kho tăng nhanh và tốc độ tăng của tổng tài sản lớn hơn so với tốc độ tăng của doanh thu.

Khả năng sinh lời

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời trong năm 2016 nhìn chung đều tăng so với năm 2015.

4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

4.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 10.000.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 10.000.000 cổ phần
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo pháp luật: 0 cổ phần

4.2 Cơ cấu cổ đông

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	**Cổ đông trong nước**	**348**	**10.000.000**	**100.000.000.000**	**100**
	- Cá nhân	342	3.213.995	32.139.950.000	32,1
	- Tổ chức	6	6.786.005	67.860.050.000	67,9
2	**Cổ đông ngoài nước**	-	-	-	-
	- Cá nhân	-	-	-	-
	- Tổ chức	-	-	-	-
Tổng cộng:		**348**	**10.000.000**	**100.000.000.000**	**100**

4.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

4.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

4.5 Các chứng khoán khác: Không có

II. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Tổng quan về các chỉ tiêu chủ yếu năm 2016

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2016	% so với kế hoạch năm 2016	% so với kế hoạch năm 2015
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	10^6 đ	442.132	116,35	137
2	Doanh thu	10^6 đ	358.062	105,03	122,51
3	Tiền về tài khoản	10^6 đ	386.993	110,57	184,94
4	Lợi nhuận trước thuế	10^6 đ	5.203	43,36	28,71
5	Thu nhập bq quân người/tháng	10^3 đ	8.200	103,08	107,89

Toàn bộ các chỉ tiêu chủ yếu như giá trị sản xuất kinh doanh, tổng doanh thu, lợi nhuận, tiền về tài khoản và Thu nhập bình quân đầu người đều hoàn thành vượt mức kế hoạch năm và có tăng trưởng so với năm 2015.

Nguyên nhân chủ yếu là do Công ty đã quyết liệt bám sát chỉ đạo thực hiện tốt kế hoạch tiến độ thi công, sản xuất xây lắp từ các công trình; thường xuyên thực hiện các biện pháp giám sát thực hiện để tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh; bám sát thu vốn theo tiến độ đã được chủ đầu tư ký kết. Chính vì vậy, mặc dù trong năm 2016 gặp nhiều khó khăn nhưng lợi nhuận trước thuế vẫn vượt kế hoạch năm 2015 và có tăng trưởng đáng kể so với năm 2015.

1.2 Những tiến bộ công ty đã đạt được

Trong năm năm 2016 tình hình kinh tế cả nước vẫn tiếp tục khó khăn do khủng hoảng, các công trình xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách bị thu hẹp, việc vay vốn để sản xuất khó khăn. Giá cả nguyên nhiên, vật liệu liên tục tăng cao nhưng với sự quyết tâm và cố gắng của tập thể CBCNV Đơn vị đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kinh tế mà Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị công ty giao. Tuy nhiên trong tình hình kinh tế hiện nay, năm 2017 và những năm tới đòi hỏi đơn vị không ngừng đổi mới phương thức quản lý, điều hành, xây dựng những giải pháp cụ thể nhằm khắc phục những tồn tại, yếu kém nhằm hoàn thành kế hoạch các năm tiếp theo.

- Đảm bảo mục tiêu tiến độ các công trình: Tiến độ thi công các công trình: Thi công các công trình hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng công trình theo hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư như Công trình Lào Lèng – Beng; Sầm Tấy – Thà lầu; Gói thầu XD 03 Bảo Lâm; San lấp mặt bằng và xây dựng hàng rào khu vực dự án sân phân phối trung tâm điện lực Long Phú; Thủy điện Bắc Mê; Thi công cải tạo sông Ninh Cơ;
- Hợp tác ký kết các hợp đồng thi công xây lắp, mở rộng SXKD:
- Tham gia đấu thầu và trúng thầu gói thầu CV-A2.2b – NDTDP: Công trình bảo vệ

khu đổ đất nạo vét phía Nam (Đê bảo vệ Km 1+487 – Km 2+422) & Kè G1, G2, G3, G4 & Đê chắn sóng phía Nam (Km 0+000 đến Km 0+050) thuộc cụm công trình Cải tạo cửa sông Ninh Cơ (với giá trị 94 tỷ).

- Tham gia nộp hồ sơ đề xuất và trúng chỉ định thầu gói thầu số 09: Thi công xây lắp đoạn Km 1283+250 – Km 1293+800 thuộc dự án: Đầu tư xây dựng công trình mở rộng Quốc Lộ 1 đoạn từ Km 1265+000 đến Km 1353+300, tỉnh Phú Yên (với giá trị 64 tỷ).

- Ký kết Hợp đồng thi công gói thầu Thi công xây dựng dự án nâng cấp mạng lưới giao thông Bắc Lào Lý trình: Km 98 -:- Km 121 đoạn Mường Sòn đi Lèng Bèng tại tỉnh Huaphan – Lào với Công ty TNHH thương mại 68 (với giá trị 5 triệu USD).

- Ký kết Hợp đồng thi công gói thầu Đập OTC – Gói thầu TSF – STAGE 2 với Công ty cổ phần Licogi 13 (với giá trị 50 tỷ).

- Thi công đào. đắp đất đá các hạng mục chính thuộc gói thầu XD01. XD02. XD03 – Dự án thủy điện Bắc Mê

- Thi công đào. đắp đất đá các hạng mục chính,công trìnhtạm – Công trình thủy điện Bảo Lâm 3

- Cung cấp và thi công đóng cọc đại trà nhà máy – Nhà máy nhiệt điện Long Phú 1

- DA kênh đào nhân tạo nối sông Đáy với sông Ninh Cơ

- Thi công tuyến đường Na Xang - Thong Thu (Lào)

• Công tác tổ chức đào tạo:

- Tiếp tục hoàn thiện, kiện toàn bộ máy điều hành, tổ chức lại các đội theo nhu cầu SXKD.

- Thuê những Đơn vị có uy tín lập trình, chuyển giao các phần mềm quản lý giao việc, quản lý nhân sự, xe máy thiết bị ... nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp, chính xác, tiết kiệm chi phí quản lý.

- Tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao mít tinh kỷ niệm các ngày lễ lớn;

- Thực hiện đúng các chế độ chính sách của nhà nước, công ty đối với người lao động.

- Đơn vị đặc biệt quan tâm đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cử các cán bộ quản lý tham gia các khóa Mini – MBA giao tiếp nhằm nâng cao trình độ chất lượng của cán bộ.

• Công tác Kinh tế - Kỹ thuật:

- Lập biện pháp đảm bảo tiến độ, cân đối thiết bị, xe máy đảm bảo hoàn thành các mục tiêu tiến độ ;

- Xây dựng kế hoạch sản xuất và lập tiến độ các công trình dựa trên định hướng phát triển của Công ty được HĐQT Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 phê duyệt;

- Luôn đảm bảo công tác báo cáo kế hoạch hàng tháng, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện hàng tháng và lập kế hoạch tháng kế tiếp nhằm đảm bảo mục tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh ;

- Công tác lập và quản lý chi phí giá thành từng hạng mục công trình được đặc biệt chú trọng và được triển khai xuống từng đội xây lắp.

- Công tác thu vốn, thu hồi công nợ được đơn vị đặc biệt chú trọng, tập trung giải quyết dứt điểm những tồn tại về hồ sơ nghiệm thu thanh toán, đôn đốc và giải quyết kịp thời những vướng mắc về kinh tế, dự toán, tổng dự toán với Chủ đầu tư tại các công trình;

- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán và các quy định khác về kế toán hiện hành của Nhà nước;

- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý.

• Công tác quản lý vật tư cơ giới:

- Cân đối, điều động xe máy giữa các công trường đảm bảo khai thác tối đa năng lực hiện có;

- Tăng cường công tác bảo dưỡng, kiểm tu xe máy, thiết bị nắm vững tình trạng kỹ thuật của xe máy thiết bị, dự báo hư hỏng và có biện pháp phòng ngừa kịp thời tránh xe máy hư hỏng nặng. Nâng cao trách nhiệm của Cán bộ quản lý cơ giới, công nhân vận hành trong việc để xe máy hư hỏng do vận hành sai quy trình, quy phạm, bảo dưỡng và kiểm tu không đảm bảo kỹ thuật;

- Đảm bảo vật tư cho phục vụ hoạt động SXKD của toàn Công ty.

• Công tác Tài chính kế toán:

- Để thu xếp kịp thời nguồn vốn cho hoạt động SXKD. Trên cơ sở đó thực hiện các khoản vay tín dụng, bảo lãnh thu xếp kịp thời nguồn vốn phục vụ cho SXKD và đầu tư của công ty;

- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán, hệ thống kế toán và các quy định khác về kế toán hiện hành của Nhà nước;

- Các báo cáo tháng, quý và quyết toán quý được quan tâm và duy trì thường xuyên đảm bảo phản ánh chính xác kết quả SXKD của Công ty;

- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý;

- Tập trung mọi nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn, thu hồi công nợ nhằm giảm áp lực vay vốn đối với Công ty đồng thời duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục.

• Công tác tiếp thị đấu thầu

- Tập trung thực hiện và đẩy mạnh công tác tiếp thị, từng bước mở rộng thị trường để chuẩn bị cho kế hoạch SXKD năm 2016 và các năm tiếp theo;

- Tìm kiếm các công việc làm tổng thầu hoặc là B phụ cho các đơn vị thuộc Tập đoàn Sông Đà thi công các dự án thủy điện bên nước Lào;

- Theo dõi, chuẩn bị các điều kiện để tham gia đấu thầu tiếp những gói thầu thuộc các dự án lớn: Dự án Phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng bắc bộ; Nam bộ, các dự án về nhiệt điện, giao thông.

- Tham gia cùng Công ty cổ phần SCI đấu thầu hoặc chào giá làm tổng thầu các dự án thủy điện trên cả nước đặc biệt các dự án khu vực Quảng Ngãi, Nghệ An...

- Tìm kiếm các công việc tại các dự án nhiệt điện lớn như: Nhiệt điện Long Phú; Thái Bình; Sông Hậu.../

- Nghiêm tục rút kinh nghiệm từ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án trước đây trong tất cả các khâu (đấu thầu, đàm phán, ký kết hợp đồng với CĐT...) đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ các dự án, công trình.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản

Tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11,221,128,927	67,553,692,239	38,703,540,692	375,386,917	117,853,748,775
- Mua trong năm	-	46,202,592,706	14,876,381,818	40,259,090	61,119,233,614
Số dư cuối năm	**11,221,128,927**	**113,756,284,945**	**53,579,922,510**	**415,646,007**	**178,972,982,389**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6,237,108,792	21,302,320,901	13,755,295,027	247,401,338	41,542,126,058
- Khấu hao trong năm	280,528,224	9,383,880,610	4,771,616,730	57,992,506	14,494,018,070
Số dư cuối năm	**6,517,637,016**	**30,686,201,511**	**18,526,911,757**	**305,393,844**	**56,036,144,128**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4,984,020,135	46,251,371,338	24,948,245,665	127,985,579	76,311,622,717
Tại ngày cuối năm	**4,703,491,911**	**83,070,083,434**	**35,053,010,753**	**110,252,163**	**122,936,838,261**

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8,413,893,170 đồng.

Danh mục số lượng xe máy thiết bị hiện có:

XE MÁY THIẾT BỊ CHÍNH

TT	Chủng loại	Số lượng	Chất lượng
1.	Ô tô tự đổ	56	Tốt
2.	Máy đào	27	Tốt
3.	Máy ủi	11	Tốt
4.	Máy lu	13	Tốt
5.	Máy san	4	Tốt
6.	Máy rải	2	Tốt
7.	Trạm asphalt	1	Tốt
8.	Cẩu bánh xích	6	Tốt
9.	Xe tưới nước	3	Tốt
10	Cổng trục	2	Tốt

TT	Chủng loại	Số lượng	Chất lượng
11	Trạm trộn bê tông	2	Tốt
12	Xúc lật	2	Tốt
13	Xe mix vận chuyển bê tông	5	Tốt
14	Cần trục ô tô	1	Tốt
15	Sơ-mi rơ-mooc	2	Tốt
16	Poton	2	Tốt
17	Búa đóng diesel	2	Tốt
18	Búa rung	2	Tốt
19	Máy cắt nước	2	Tốt
20	Tàu kéo	2	Tốt
21	Máy đóng cọc	2	Tốt
22	Máy khoan thủy lực	5	Tốt
23	Trạm nghiền	1	Tốt

Ô tô tự đổ

TT	Mô tả	Số lượng
1	Hyundai HD270 – 11,6 tấn	25
2	Howo CNHTC – >=10 tấn	20
3	Man – 10,5 tấn	05
4	Xe Cửu Long 05 tấn	06

Máy xúc

TT	Mô tả	Số lượng
1	Máy đào bánh xích Kobelco SK330 – 1,6 m3	10
2	Máy đào bánh xích Kobelco SK250 – 1,2 m3	08
3	Máy đào bánh xích Kobelco SK460 - 1,9 m3	03
4	Máy đào bánh xích Kobelco SK480 - 2,1 m3	01
5	Máy xúc cần dài Komatsu 0,7m3	02
6	Máy đào bánh lốp Doosan S180W-V – 0,73 m3	03

Máy ủi

TT	Mô tả	Số lượng
1	Catterpillar D6	04
2	Catterpillar D5	02
3	XCMG DT140B	02
4	Shantui SD16L	03

Máy lu

TT	Mô tả	Số lượng
1	Máy lu Sakai SV620D	02
2	Máy lu chân cừu Sakai SV620D	03
3	Máy lu chân cừu Sakai SV520D	01
4	Máy lu rung XCMG XS142J	04
5	Máy lu tĩnh Sakai R2	01
6	Máy lu tĩnh Furukawa FR12	01
7	Máy lu rung Bomag BW162A	01
8	Đầm cóc Mikasa	10
9	Lu dắt tay	03

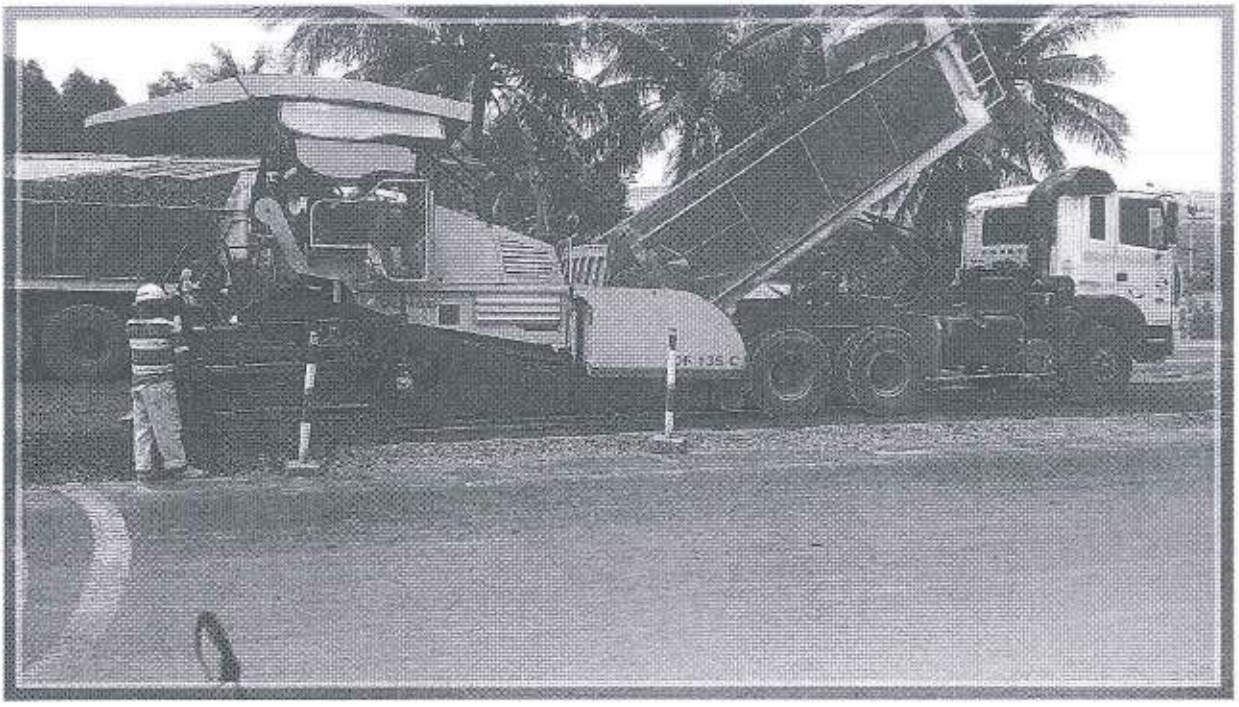

Thiết bị thi công đường bộ

TT	Mô tả	Số lượng
1	Máy san Mitsubishi MG150	04
2	Máy rải Demag DF135C	02
3	Trạm trộn asphalt 700 tấn/h	01
4	Máy phun nhựa	02
5	Cần cẩu bánh xích Sumitomo 50 tấn	01
6	Xe tưới nước	03
7	Máy trộn bê tông các loại	10

Thiết bị sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn

TT	Mô tả	Số lượng
1	Cổng trục 16 -20 tấn	02
2	Trạm trộn bê tông 60 m3/h	02
3	Xúc lật 2,2 m3	02
4	Cần cẩu tự hành 50 tấn	01
5	Xe mix vận chuyển bê tông	05
6	Ô tô cần trục 16	01
7	Xe Sơ-mi Rơ-mooc	02

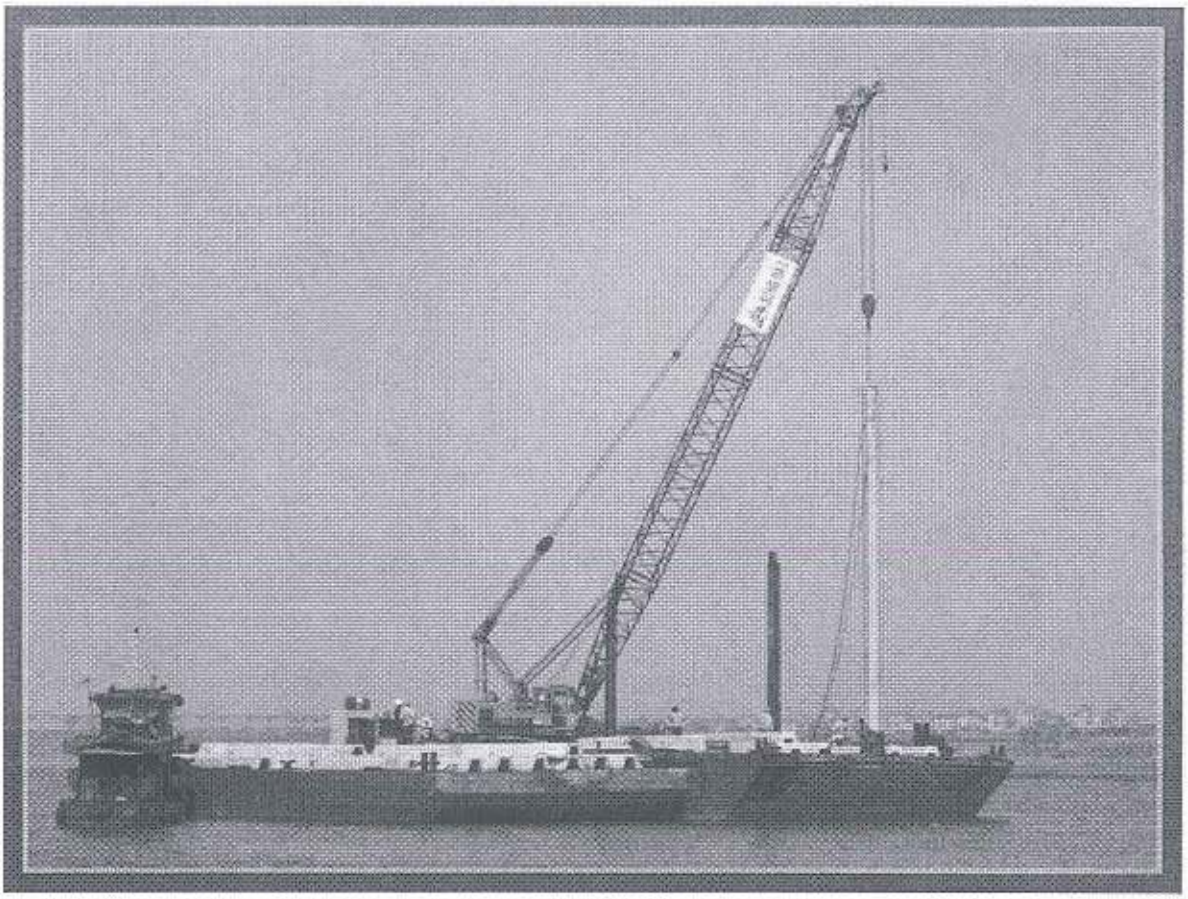

Thiết bị thi công đường thủy

TT	Mô tả	Số lượng
1	Ponton 500-800 tấn	02
2	Cần trục 50 tấn	01
3	Cần trục 80 tấn	01
4	Búa đóng cọc diesel 4,5-7,2 tấn	02
5	Búa rung 90KW, 110KW	02
6	Máy cắt nước áp lực cao 228KW	02
7	Tàu kéo 350CV	02

Thiết bị đóng cọc

TT	Mô tả	Số lượng
1	Máy đóng cọc diezel	02
2	Cần trục tự hành 50 tấn	02
3	Máy phát điện 50KVA – 360KVA	02

Thiết bị khác

TT	Mô tả	Số lượng
1	Máy khoan tự hành Furukawa	05
2	Máy khoan tay	12
3	Trạm nghiền 250 tấn/h	01

2.2 Tình hình nợ phải trả

TT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2015
Nợ ngắn hạn		**128.153.031.821**	**214.442.228.556**
1	Vay và nợ ngắn hạn	202.969.145.355	99.467.812.298
2	Phải trả người bán	80.340.397223	45.334.860.919
3	Người mua trả tiền trước	83.439.894.636	43.541.501.245
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	341.969.177	5.103.879.760
5	Phải trả người lao động	18.386.695.949	12.537.207.510
6	Chi phí phải trả	10.681.915.081	3.292.942.583
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.673.560.128	4.401.593.758

TT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2015
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.447095.205	762.430.483
Nợ dài hạn		**39.016.162.337**	**23.524.460.928**
1	Vay và nợ dài hạn	39.016.162.337	23.524.460.928
Tổng cộng		**439.,296.835.091**	**237.966.689.484**

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đang áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008

"Chất lượng cho từng sản phẩm" luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (SICCO), là uy tín, danh dự để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều Công ty muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi, Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Để đảm bảo được chất lượng tốt nhất cho mỗi công trình Công ty tạo ra, Công ty cam kết thiết lập và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008, và cải tiến thường xuyên tính hiệu lực của Hệ thống chất lượng.

Xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình.

Công ty đã được Tổ chức Chứng nhận Quốc tế NQA cấp chứng nhận về Chất lượng hệ thống quản lý.

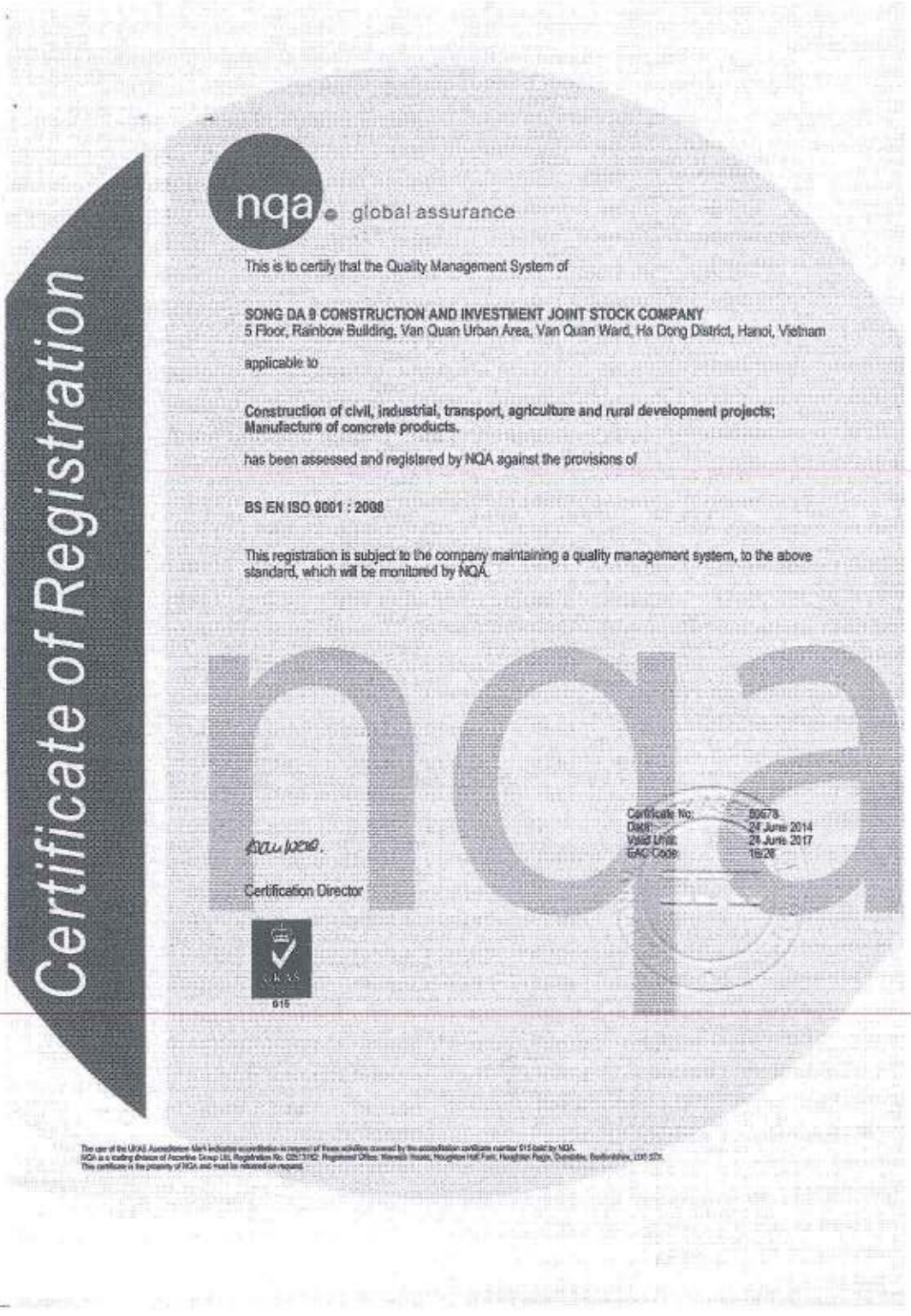

Certificate of Registration

nqa global assurance

This is to certify that the Quality Management System of

SONG DA 9 CONSTRUCTION AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
5 Floor, Rainbow Building, Van Quan Urban Area, Van Quan Ward, Ha Dong District, Hanoi, Vietnam

applicable to

Construction of civil, industrial, transport, agriculture and rural development projects; Manufacture of concrete products.

has been assessed and registered by NQA against the provisions of

BS EN ISO 9001 : 2008

This registration is subject to the company maintaining a quality management system, to the above standard, which will be monitored by NQA.

Certificate No: 5967/3
Date: 24 June 2014
Valid Until: 24 June 2017
EAC Code: 16/28

Certification Director

UKAS
015

The use of the UKAS Accreditation Mark indicates accreditation in respect of those activities covered by the accreditation certificate number 015 held by NQA.
NQA is a trading division of Acentive Group Ltd, Registration No. 02573162. Registered Office: Warwick House, Houghton Hall Park, Houghton Regis, Dunstable, Bedfordshire, LU5 5ZX.
This certificate is the property of NQA and must be returned on request.

LƯU ĐỒ QUÁ TRÌNH QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH XÂY LẮP

Stt	Trách nhiệm	Hoạt động chính	Tham chiếu
1	Ban lãnh đạo CTy	Tiếp nhận thông tin Yêu cầu CĐT, Hs thầu	QT đấu thầu
2	Ban lãnh đạo	Xử lý — Dừng →	QT đấu thầu
3	Các phòng chức năng	Làm Hồ sơ thầu/chỉ định thầu	
4	Ban lãnh đạo CTy	K.tra, Duyệt — Dừng →	QT đấu thầu
5	Khách hàng, Tổ đàm phán hợp đồng	Thiết lập, thương thảo HĐ	QT Ký và quản lý hợp đồng
6	Khách hàng, GĐ (được uỷ quyền)	Ký HĐ	
7	Đội thi công Các phòng Cty	Thành lập Ban CHCT; Giao nhiệm vụ cho Đội; Lập Kế hoạch thi công	QT chuẩn bị thi công QT đánh giá lựa chọn NCC
8	Khách hàng Đội thi công, Các phòng CTy và thầu phụ	Triển khai Dự án; Ng. thu, bàn giao từng phần; Thanh toán	QT QL thiết bị thi công, thiết bị đo QT triển khai thi công công trình
9	Khách hàng Đội thi công, Các phòng CTy và thầu phụ	Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng	
10	Khách hàng Đội thi công, Các phòng CTy và thầu phụ	Quyết toán; Bảo hành	QT nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, bảo hành công trình
11	Khách hàng Các phòng Cty	Tổng kết Dự án Lưu trữ Hồ sơ	QT kiểm soát hồ sơ

Bộ phận kiểm tra chất lượng của công ty:

Để đảm bảo các công trình thi công xây dựng đạt chất lượng, tiến độ theo hợp đồng ký kết và đảm bảo các công trình thi công không xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng dẫn đến chết người. Công ty đã thành lập Ban chỉ đạo ISO nhằm mục tiêu kiểm tra, giám sát tuân thủ theo đúng quy định, quy trình của Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008.

Cơ cấu Ban chỉ đạo ISO bao gồm:

- Trưởng ban: 01 người là Phó giám đốc công ty
- Phó trưởng ban: 02 người là Trợ lý giám đốc và Phụ trách Phòng Tổ chức hành chính
- Thư ký: 01 người là Phó phòng Tổ chức hành chính
- Ủy viên: 05 người là các trưởng phó phòng của các phòng ban: Cơ giới vật tư, Kinh doanh đấu thầu, Kinh tế kế hoạch, Kiểm tra chất lượng thi công an toàn, Tài chính kế toán.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2017, theo xác định của Công ty là một năm mang tính chất bản lề, quan trọng để Công ty thực hiện theo chiến lược phát triển trung hạn. Để thực hiện được điều đó, Công ty tiếp tục tuyển dụng, đào tạo nâng cao trình độ kỹ năng. tay nghề của nguồn nhân lực cũng như đầu tư dây chuyền, thiết bị và công nghệ thi công trong lĩnh vực thi công xây lắp hạ tầng kỹ thuật và giao thông.

Kế hoạch kinh doanh năm 2017 đã được thông qua tại Đại hội cổ đông 2016, xác định rõ:

- Khẳng định hơn nữa thương hiệu Công ty trong lĩnh vực thi công cơ giới các công trình nhiệt điện, thủy lợi và thủy điện và các công trình khác bằng việc thi công đảm bảo tiến độ, chất lượng hiệu quả, an toàn và đúng tiến độ các công trình: Nhiệt điện Long Phú, Công trình thủy điện Ca Nan, Công trình Sotrans, Công trình thi cải tạo, mở rộng QL1 – đoạn Phú Yên và Công trình thi công xây dựng dự án nâng cấp mạng lưới giao thông Bắc Lào.
- Hoàn thành công tác nghiệm thu, thu vốn của các công trình đã thi công xong: Công trình thủy điện Lại Châu, Công trình kè Nhật Tân, Công trình Đập tràn thủy điện Trung Sơn, Nhà máy xi măng Hạ Long,...
- Đầu tư xe máy, thiết bị, công nghệ như thiết bị thi công trên sông, biển phục vụ thi công công trình cải tạo cửa sông Ninh Cơ; đầu tư dây chuyền, thiết bị thi công móng mặt đường, trạm trộn asphalt và các công nghệ thi công hiện đại để phục vụ thi công Dự án cải tạo năng cấp mở rộng Quốc Lộ 1, chuẩn bị sẵn sàng cho thi công dự án Đường Hồ Chí Minh Giai đoạn II. Bên cạnh đó cũng tăng cường đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để phục vụ thi công các công trình này. Bằng việc thực hiện thi công tốt các công trình này, Công ty sẽ bước đầu khẳng định được thương hiệu, vị thế trong lĩnh vực thi công công trình Hạ tầng kỹ thuật và giao thông.
- Tiếp tục cải tiến quy trình quản lý, sản xuất và mở rộng thị trường cho lĩnh vực sản xuất, gia công cơ khí để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Tập trung tìm kiếm cơ hội đấu thầu, tham gia các dự án lớn, trọng điểm do Bộ Giao thông Vận tải, tập đoàn EVN, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam,... làm chủ đầu tư

- Cân đối bố trí xe máy thiết bị phù hợp với biện pháp thi công nhằm nâng cao hiệu quả và hệ số sử dụng xe máy thiết bị hiện có của Công ty.

Việc thực hiện thành công kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh năm 2016 sẽ là tiền đề, cơ sở quan trọng để thực hiện định hướng, chiến lược phát triển của Công ty, tạo đà cho sự phát triển lâu dài và bền vững, tạo nên và khẳng định một thương hiệu Công ty lớn mạnh.

III. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1 Những việc đã làm được

Về định hướng chiến lược:

a) Định hướng chiến lược:

- Đã xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng.
- Thực hiện chia tách, sáp nhập các bộ phận, đơn vị đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả.
- Cân đối năng lực thi công trên công trường nhằm giảm thiểu chi phí và tăng năng suất lao động.
- Thường xuyên tìm kiếm, thay đổi các đối tác cung cấp nguồn nguyên liệu nhằm ổn định sản xuất, giảm thiểu giá thành đầu vào nâng cao lợi nhuận SXKD của Công ty.

b) Công tác quản lý:

- Chú trọng công tác nhân sự từ các cấp quản lý tới các cá nhân trực tiếp thi công trên công trường. Liên tục tổ chức đào tạo và đào tạo lại tại chỗ đối với toàn thể CBCNV đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh chung của Công ty.
- Phân loại, thanh lý đối với các xe máy cũ có hiệu quả thi công thấp và tiến hành đầu tư mới nhằm nâng cao năng lực thi công của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ quy trình, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng máy móc thiết bị và đánh giá thường xuyên tiêu hao nhiên liệu, mặt khác kiểm soát tốt nguồn/sàng lọc nhà thầu cung cấp nguyên liệu, vật tư phục vụ công tác thi công trên công trường.
- Thường xuyên vận dụng, bổ sung sửa đổi các quy chế, quy định đảm bảo phù hợp với định hướng hoạt đông của Công ty trong năm 2014 và các năm tiếp theo.
- Khai thác triệt để các tính năng ứng dụng của các phần mềm quản lý nhằm rút ngắn và đơn giản các quy trình thực hiện công việc tại mỗi công đoạn.

Về Công tác quản trị - Giám sát thực hiện:

a) Công tác Quản trị:

- Tận dụng các cơ hội phát triển, mạnh dạn đầu tư vào các lĩnh vực mới bắt kịp xu hướng thời đại, đặc biệt trong lĩnh vực thi công xây dựng.
- Phát triển mạnh các nguồn lực sẵn có, tiến hành thải hồi các phương tiện sản xuất lạc hậu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

b) Giám sát thực hiện:

- Sát nhập, giải thể, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, bộ phận phục vụ hiệu quả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực chuyên môn.
- Phân tích hiệu quả đầu tư, tiến hành tạm dừng đối với các công trình, dự án chưa thực sự mang lại hiệu quả kinh tế, tập trung vào lĩnh vực hoạt động chính của Công ty.
- Cân đối xe phục vụ, điều động hợp lý đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Rà soát các hợp đồng, chỉ đạo xuất toán đối với các hạng mục công trình dở dang.
- Trên cơ sở kế hoạch SXKD của Công ty phê duyệt lại quy chế trả lương, quy chế quản lý công tác Hợp đồng và quy chế làm việc áp dụng cho toàn Công ty.
- Thực hiện các chế độ liên quan đối với người lao động đảm bảo tăng cường gắn bó và đóng góp của mỗi CBCNV đối với Công ty.

1.2 Những việc chưa làm được

Bên cạnh những việc đã đạt được, Công ty còn một số tồn tại chưa giải quyết được cụ thể như sau:

- Công tác tổ chức, đổi mới doanh nghiệp.
- Chưa thực hiện triệt để việc sắp xếp, định biên nhân sự, đặc biệt là bộ máy gián tiếp, phục vụ tại cơ quan Công ty cũng như tại các đội xây lắp;
- Công tác thi công, nghiệm thu, bàn giao công trình:

Một số công trình đã thi công xong nhưng chưa nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng, chưa được thanh quyết toán, đặc biệt là công trình Nhà máy xi măng Hạ Long, thủy điện Nậm Khánh, Hủa Na, Xekaman ...

- Công tác thu hồi vốn và công nợ còn chậm

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc Công ty

Với chức năng điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban giám đốc có quyền quyết định các công việc liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, đồng thời có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Do đó hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc không chỉ ở việc tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT và còn đối với các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn của Ban giám đốc:

Đối với thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ về kế hoạch SXKD hàng năm được ĐHĐCĐ thông qua: Ban giám đốc có trách nhiệm triển khai và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, bán niên với HĐQT để HĐQT nắm được và có quyết định điều chỉnh hoặc bổ sung kịp thời đối với những vấn đề phát sinh cần có quyết định của HĐQT. Với những vấn đề thuộc thẩm quyền phê chuẩn của ĐHĐCĐ thì HĐQT sẽ tiến hành các bước cần thiết theo quy định của pháp luật, của điều lệ công ty để có được sự phê chuẩn trong thời gian nhanh nhất để Ban giám đốc tiếp tục thực thi nhiệm vụ của mình một cách có hiệu quả.

Việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT: Đối với các quyết định của HĐQT mang tính chiến lược, kế hoạch phát triển trung và dài hạn thì trong quá trình triển khai Ban giám đốc có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện định kỳ,theo giai đoạn bằng văn bản, đồng thời qua các cuộc họp chuyên môn,...Với các quyết định khác quy định thời gian thực hiện, Ban giám đốc triển khai và thực hiện báo cáo kết quả ngay khi công việc kết thúc.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1 Định hướng

- Phê duyệt, bổ sung và chỉnh sửa tăng cường mở rộng mối quan hệ, tập trung tìm kiếm và chỉ đạo triển khai các dự án do Tổng công ty Sông Đà, Tập đoàn Dầu khí, Tập đoàn Điện lực, các Ban quản lý thuộc Bộ Giao thông vận tải, Bộ xây dựng nhằm mục đích mở rộng hoạt động SXKD, tạo cơ hội tăng thu nhập cho CBCVN Công ty đồng thời khẳng định uy tín, tạo thương hiệu đối với các Chủ đầu tư;
- Ban hành các quy chế, quy trình làm việc của Công ty phù hợp với tình hình thực tế và xu hướng phát triển về quy mô và năng lực của Công ty;
- Chỉ đạo ổn định công tác tổ chức, phê duyệt cơ cấu mô hình tổ chức sản xuất của Công ty phù hợp với thực tế SXKD, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty;
- Chiến lược đào tạo con người, đặc biệt công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và lực lượng lao động lành nghề đã được quan tâm hàng đầu, việc triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao.
- Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả: Xe máy, thiết bị thi công phục vụ các dự án công ty đang tham gia thi công và định hướng đầu tư phù hợp đảm bảo tiến độ và kế hoạch;
- Phân tích nhu cầu, định hướng đầu tư máy móc, thiết bị, vật tư phù hợp đảm bảo ổn định sản xuất.

3.2 Chỉ đạo thực hiện và kế hoạch hành động

Năm 2015, toàn Công ty cần tập trung huy động mọi nguồn lực về tài chính, nhân lực, máy móc thiết bị, triển khai đồng bộ đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất, với các mục tiêu và một số giải pháp trong từng lĩnh vực công tác sau:

3.2.1 Công tác thi công, thu hồi công nợ tại các công trình

Đảm bảo mục tiêu tiến độ các công trình: Thi công các công trình hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng công trình theo hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư.

3.2.2 Công tác đầu tư

- Cân đối năng lực xe máy thiết bị hiện có và nhu cầu mở rộng SXKD, thực tế sản xuất, Giám đốc Công ty trình HĐQT phê duyệt các dự án đầu tư nhằm nâng cao năng lực thiết bị thi công hiện đại.

3.2.3 Công tác tiếp thị, đấu thầu

- Tăng cường công tác tiếp thị, từng bước mở rộng thị trường để chuẩn bị cho kế hoạch SXKD năm 2017 và các năm tiếp theo;

- Nắm tình hình, chuẩn bị các điều kiện để tham gia đấu thầu những gói thầu thuộc các dự án lớn: Dự án Phát triển giao thông vận tải khu vực Đồng bằng Bắc bộ, Nam bộ, các dự án về giao thông khác.

- Tìm kiếm các công việc tại các dự án nhiệt điện lớn như: Nhiệt điện Long Phú; Thái Bình; Sông Hậu...

- Có báo cáo đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai các dự án trước đây trong tất cả các khâu (đấu thầu, đàm phán, ký kết hợp đồng với CĐT...) đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ các dự án, công trình chuẩn bị thực hiện.

3.2.4 Công tác tổ chức, đổi mới doanh nghiệp

- Thực hiện phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, mở rộng sản xuất.

- Hoàn thiện bộ nhận diện thương hiệu và tăng cường công tác truyền thông với phương châm "**Kiến tạo giá trị - Vị thế nâng tầm**". Duy trì Hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn **ISO 9001:2008** và cải tiến thường xuyên nâng cao tính hiệu lực của Hệ thống này.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng chức năng theo chuyên ngành nhằm giải quyết tốt các nghiệp vụ phát sinh; Củng cố và tăng cường lực lượng làm công tác thị trường và hồ sơ dự thầu các công trình đặc biệt là công trình giao thông;

- Đánh giá, thực hiện công tác định biên nhân sự và luân chuyển cán bộ để tạo nguồn cho các năm tiếp theo;

- Phát động các phong trào thi đua hoàn thành các mục tiêu tiến độ trên các công trình đang thi công.

- Theo dõi, đánh giá việc áp dụng quy chế trả lương mới nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp cho công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ cho phù hợp với pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu tối đa chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả điều hành sản xuất;

- Xây dựng cẩm nang điều hành cho toàn bộ các lĩnh vực liên quan trong và ngoài lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

3.2.5 Công tác Kinh tế - Kỹ thuật – Tài chính kế toán

- Quản lý chặt chẽ tiến độ, chất lượng các công trình thi công, duy trì và thực hiện nghiêm túc về việc giám sát thi công;

- Bám sát Chủ đầu tư để kịp thời giải quyết các vướng mắc về thiết kế, biện pháp thi công, dự toán để đẩy nhanh tiến độ thu vốn;

- Tập trung triển khai thi công đúng tiến độ các công trình nhằm hoàn thành xuất sắc kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra;

- Các phòng thường xuyên kết hợp với các đội trong công tác thanh, quyết toán công trình đã và đang thi công;

- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý, kịp thời hạch toán bảo đảm phản ánh đúng tình hình, hiệu quả SXKD;

- Thu hồi công nợ: Đẩy nhanh tiến độ thu vốn, công nợ các hạng mục công trình đang thi công. Đôn đốc các đơn vị có liên quan hoàn tất thủ tục thanh toán dứt điểm công nợ tại các công trình như Nậm Khánh, Hủa Na, Xekaman 3, …

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc hoạt động và bảo đảm chế độ của mạng lưới an toàn viên. Triển khai kiểm tra việc thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn trong ngành xây dựng.

3.2.6 Công tác quản lý vật tư cơ giới

- Cân đối bố trí xe máy thiết bị phù hợp với biện pháp thi công nhằm nâng cao hiệu quả và hệ số sửa dụng xe máy thiết bị hiện có của Công ty;
- Tiếp tục chấn chỉnh lại công tác chăm sóc bảo dưỡng kỹ thuật xe, máy, thiết bị đúng quy trình quy phạm, đảm bảo kế hoạch sửa chữa lớn xe máy thiết bị.
- Xây dựng kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, nâng cao kiến thức và kỹ năng vận hành, bảo dưỡng kỹ thuật xe, máy, đảm bảo năng lực xe, máy đáp ứng được yêu cầu tiến độ thi công;
- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng xe máy, quyết toán nhiên liệu, sử dụng vật tư phụ tùng ở các đơn vị, có biện pháp chấn chỉnh kịp thời khi phát hiện sai sót;

IV. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên HĐQT và cơ cấu của HĐQT

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ
I	**Hội đồng quản trị**			
1	Nguyễn Công Hùng	1978	Chủ tịch	Kỹ sư xây dựng
2	Nguyễn Chính Đại	1978	Thành viên	Kỹ sư xây dựng
3	Lương Thanh Tùng	1978	Thành viên	Kỹ sư xây dựng
4	Hoàng Công Tuấn	1977	Thành viên	Kỹ sư xây dựng
5	Triệu Quang Hà	1975	Thành viên	Cử nhân luật

1.2 Các tiểu ban thuộc HĐQT

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

1.3.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp(%)	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	24/04/2015	2/2	100	
2	Ông Nguyễn Chính Đại	Ủy viên	24/04/2015	2/2	100	
3	Ông Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên	15/07/2015	1/2	50	Miễn nhiệm 28/04/2016
4	Ông Hoàng Công Tuấn	Ủy viên	24/04/2015	2/2	100	

5	Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên	24/04/2015	2/2	100	
6	Ông Triệu Quang Hà	Ủy viên	28/04/2016	1/2	50	Bổ nhiệm 28/04/2016

1.3.2 Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban giám đốc

Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng giám đốc, bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc và người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp của công ty. Qua đó, Ban Tổng giám đốc đã xây dựng và triển khai tổ chức thực hiện các công việc như: (1) xây dựng kế hoạch kinh doanh, triển khai linh hoạt và đồng bộ đến các đơn vị công tác đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, dự báo thị trường, chia sẻ thông tin kịp thời hàng tháng, quý; kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh; (2) thực hiện việc thu cổ tức từ các đơn vị, vốn hoá và hoàn tất các vấn đề pháp lý của các dự án nên đã thu hồi được dòng tiền, đảm bảo cân đối cho hoạt động kinh doanh; (3) thường xuyên, liên tục kiểm tra hoạt động, kiểm tra công tác tài chính kế toán, kiểm tra tính tuân thủ của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Savico và các đơn vị trong hệ thống; (4) thực hiện việc đánh giá năng suất lao động KPI nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, năng suất lao động và kết quả kinh doanh. Kiểm tra việc thực hiện các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng.

1.3.3 Các nghị quyết của Hội đồng quản trị

2 Nghị quyết năm 2016:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01 NQ-SICCO-HĐQT	13/01/2016	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành - Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015- giai đoạn 1
2	02 NQ-SICCO-HĐQT	26/01/2016	Nghị quyết kỳ họp quý I năm 2016
3	03 NQ-SICCO-HĐQT	26/01/2016	Nghị quyết thông qua thay đổi mức lương tối thiểu vùng;
4	04 NQ-SICCO-HĐQT	09/3/2016	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt dự án đầu tư năm 2016- Giai đoạn 1
5	5 NQ-SICCO-HĐQT	11/3/2016	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành - Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015- giai đoạn 2
6	6 NQ-SICCO-HĐQT	12/3/2016	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư năm 2016- Giai đoạn 1
7	7 NQ-SICCO-HĐQT	14/03/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM05- giai đoạn 1
8	07a NQ-SICCO-HĐQT	21/3/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM03
9	8 NQ-SICCO-HĐQT	22/03/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM05- Giai đoạn 1

10	08a NQ-SICCO-HĐQT	26/3/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM05- giai đoạn 1
11	08b NQ-SICCO-HĐQT	28/3/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM03
12	08c NQ-SICCO-HĐQT	31/3/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM06- Giai đoạn 1
13	08c1 NQ-SICCO-HĐQT	06/4/2016	NQ điều chỉnh dự án DADT nâng cao năng lực thiết bị năn 2016 - GĐ1
14	08d NQ-SICCO-HĐQT	08/4/2016	NQ điều chỉnh dự án và KHLCNT - DADT 2016 - GĐ1
15	08e NQ-SICCO-HĐQT	12/4/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM02- giai đoạn 1
16	9 NQ-SICCO-HĐQT	13/4/2016	Nghị quyết về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Cao Hải
17	10 NQ-SICCO-HĐQT	13/4/2016	Nghị quyết về việc ủy quyền cho ông Nguyễn Chính Đại ký HĐ tín dụng
18	10a NQ-SICCO-HĐQT	16/4/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM02- Giai đoạn 1
19	11 NQ-SICCO-HĐQT	25/4/2016	Nghị quyết kỳ họp quý II năm 2016
20	11a NQ-SICCO-HĐQT	29/4/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu gói thầu XM01- giai đoạn 1
21	11b NQ-SICCO-HĐQT	09/5/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM01- Giai đoạn 1
22	12 NQ-SICCO-HĐQT	02/6/2016	Phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam -Chi nhánh Hà Tây
23	13 NQ-SICCO-HĐQT	03/6/2016	NQ về việc lựa chọn Công ty AASC thực hiện kiểm toán BCTC 2016
24	13.1 NQ-SICCO-HĐQT	26/6/2016	Nghị quyết của HĐQT về phê duyệt phương án đầu tư thiết bị phục vụ thi công
25	14 NQ-SICCO-HĐQT	28/6/2016	Nghị quyết về việc ủy thác đầu tư cho Công ty cổ phần quản lý quỹ IB
26	14a NQ-SICCO-HĐQT	15/7/2016	Nghị quyết phê duyệt nội dung hợp đồng thực hiện Gói thầu "CN2-EPC: Thiết kế bản vẽ thi công, cung cấp, lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình" thuộc dự án Thủy điện Ca Nan 2
27	14.1 NQ-SICCO-HĐQT	23/7/2016	Nghị quyết về việc điều chỉnh lần 2 dự án đầu tư- giai đoạn 1
28	14.2 NQ-SICCO-HĐQT	27/07/16	Nghị quyết về việc điều chỉnh lần 2 kế hoạch lựa chọn nhà thầu- giai đoạn 1
29	15 NQ-SICCO-HĐQT	28/7/2016	QĐ phê duyệt tăng giới hạn vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt nam Chi nhánh Hà Tây
30	15.1 NQ-SICCO-HĐQT	29/7/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM07- giai đoạn 1

31	16 NQ-SICCO-HĐQT	30/7/2016	Nghị quyết về kiện toàn Ban Giám đốc Công ty
32	17 NQ-SICCO-HĐQT	01/8/2016	NQ về việc ủy quyền cho ông Nguyễn Chính Đại quan hệ với các tổ chức tín dụng
33	18 NQ-SICCO-HĐQT	08/8/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM07- Giai đoạn 1
34	19 NQ-SICCO-HĐQT	11/8/2016	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt dự án đầu tư năm 2016- Giai đoạn 2
35	20 NQ-SICCO-HĐQT	13/8/2016	Nghị quyết về việc thay đổi Kế toán trưởng
36	21 NQ-SICCO-HĐQT	16/8/2016	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt dự án đầu tư năm 2016- Giai đoạn 2.1
37	22 NQ-SICCO-HĐQT	17/8/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư năm 2016 - GĐ 2.1
38	23 NQ-SICCO-HĐQT	19/8/20016	Nghị quyết về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu gói thầu XM01- giai đoạn 2.1
39	23.1 NQ-SICCO-HĐQT	22/8/2016	Nghị quyết UQ quan hệ với các tổ chức tín dụng (Mr Đại UQ cho Mr Tuấn)
40	24 NQ-SICCO-HĐQT	29/8/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM01- Giai đoạn 2.1
41	25 NQ-SICCO-HĐQT	13/9/2016	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành - Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015
42	26 NQ-SICCO-HĐQT	14/9/2016	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt dự án đầu tư năm 2016 - GĐ 2.2
43	27 NQ-SICCO-HĐQT	16/9/2016	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư năm 2016 - GĐ 2.2
44	27.1 NQ-SICCO-HĐQT	27/9/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu gói thầu XM01- giai đoạn 2.2
45	27.2 NQ-SICCO-HĐQT	28/9/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu XM03- Dự án đầu tư 2016 GĐ1
46	27.3 NQ-SICCO-HĐQT	04/10/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM01- Giai đoạn 2.2
47	27.4 NQ-SICCO-HĐQT	05/10/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM03- Dự án đầu tư 2016 GĐ1
48	28 NQ-SICCO-HĐQT	07/10/2016	Nghị quyết của HĐQT về phê duyệt dự án đầu tư năm 2016 GĐ3
49	29 NQ-SICCO-HĐQT	08/10/2016	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt dự án đầu tư năm 2016 - GĐ 3.1

50	29.1 NQ-SICCO-HĐQT	08/10/2016	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư năm 2016 - GĐ 3.1
51	29.2 NQ-SICCO-HĐQT	08/10/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu XM01 GĐ 3.1
52	29.3 NQ-SICCO-HĐQT	10/10/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu XM02 GĐ 3.1
53	29.4 NQ-SICCO-HĐQT	10/10/2016	Nghị quyết phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói XM01 GĐ 3.1
54	30 NQ-SICCO-HĐQT	18/10/2016	Nghị quyết của HĐQT về việc phê duyệt dự án đầu tư năm 2016 giai đoạn 4
55	31 NQ-SICCO-HĐQT	01/11/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu Xm03 GĐ 3.1
56	32 NQ-SICCO-HĐQT	09/11/2016	Nghị quyết về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Xm03 GĐ 3.1
57	33 NQ-SICCO-HĐQT	12/12/2016	Nghị quyết phê duyệt phương án tăng hạn mức tín dụng năm 2016 tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam Chi nhánh Hà tây

3 Quyết định năm 2016:

Stt	Số Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01 QĐ-SICCO-HĐQT	13/01/2016	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành - Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015- giai đoạn 1
2	02 QĐ-SICCO-HĐQT	13/01/2016	Quyết định kiện toàn tổ thẩm định dự án đầu tư
3	03 QĐ-SICCO-HĐQT	03/10/16	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt dự án đầu tư năm 2016- Giai đoạn 1
4	04 QĐ-SICCO-HĐQT	03/11/16	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành - Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015- giai đoạn 2
5	5 QĐ-SICCO-HĐQT	12/3/2016	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư năm 2016- Giai đoạn 1
6	6 QĐ-SICCO-HĐQT	14/3/2016	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM05- giai đoạn 1
7	7 QĐ-SICCO-HĐQT	22/3/2016	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM05- giai đoạn 1
8	08 QĐ-SICCO-HĐQT	22/3/2016	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM03

9	08a QĐ-SICCO-HĐQT	28/3/2016	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM06- giai đoạn 1
10	08b QĐ-SICCO-HĐQT	26/3/2016	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM03
11	08c QĐ-SICCO-HĐQT	01/4/2016	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM06- giai đoạn 1
12	08c QĐ-SICCO-HĐQT	06/4/2016	QĐ điều chỉnh dự án đầu tư thuộc Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2016 - Giai đoạn 1
13	08d QĐ-SICCO-HĐQT	08/4/2016	QĐ đđiều chỉnh dự án đầu tư và KHLCNT - DA ĐT năm 2016 GĐ1
14	08e QĐ-SICCO-HĐQT	12/4/2016	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM02- giai đoạn 1
15	09 QĐ-SICCO-HĐQT	13/4/2016	Quyết định về việc ủy quyền quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng
16	10 QĐ-SICCO-HĐQT	18/4/2016	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM02- giai đoạn 1
17	10a QĐ-SICCO-HĐQT	29/4/2016	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu gói thầu XM01- giai đoạn 1
18	11 QĐ-SICCO-HĐQT	02/5/2016	Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Cao Hải - PGĐ Công ty
19	11a QĐ-SICCO-HĐQT	09/5/2016	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM01- giai đoạn 1
20	12 QĐ-SICCO-HĐQT	01/6/2016	QĐ dừng đầu tư MMTB thuộc các dự án năm 2015
21	13 QĐ-SICCO-HĐQT	02/6/2016	QĐ phê duyệt phương án vay vốn tại Ngân hàng TMCP ĐT&PD Việt Nam Chi nhánh Hà Tây
22	13.1 QĐ-SICCO-HĐQT	26/6/2016	Quyết định của HĐQT về phê duyệt phương án đầu tư thiết bị phục vụ thi công
23	13a QĐ-SICCO-HĐQT	15/7/2016	Quyết định phê duyệt nội dung hợp đồng thực hiện Gói thầu "CN2-EPC: Thiết kế bản vẽ thi công, cung cấp, lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình" thuộc dự án Thủy điện Ca Nan 2
24	13.2 QĐ-SICCO-HĐQT	23/7/2016	Quyết định về việc điều chỉnh lần 2 dự án đầu tư- giai đoạn 1
25	13.3 QĐ-SICCO-HĐQT	27/7/2016	Quyết định về việc điều chỉnh lần 2 kế hoạch lựa chọn nhà thầu- giai đoạn 1
26	14 QĐ-SICCO-HĐQT	28/7/2016	QĐ phê duyệt tăng giới hạn vay trung hạn tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt nam Chi nhánh Hà Tây
27	14.1 QĐ-SICCO-HĐQT	29/7/2016	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu báo giá gói thầu XM07- giai đoạn 1
28	15 QĐ-SICCO-HĐQT	01/8/2016	Quyết định thôi giữ chức vụ Giám đốc đối với ông Hoàng Công Tuấn
29	16 QĐ-SICCO-HĐQT	01/8/2016	Quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Chính Đại - Giám đốc Công ty

30	17 QĐ-SICCO-HĐQT	01/8/2016	Quyết định bổ nhiệm ông Hoàng Công Tuấn - PGĐ Công ty
31	18 QĐ-SICCO-HĐQT	01/8/2016	QĐ về việc ủy quyền quan hệ với các tổ chức tín dụng đối với ông Nguyễn Chính Đại
32	19 QĐ-SICCO-HĐQT	08/8/2016	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM07- giai đoạn 1
33	20 QĐ-SICCO-HĐQT	08/11/16	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt dự án đầu tư năm 2016- Giai đoạn 2
34	21 QĐ-SICCO-HĐQT	15/8/2016	Quyết định về việc thôi giữ chức vụ Kế toán trưởng của ông Đào Gia Thắng
35	22 QĐ-SICCO-HĐQT	15/8/2016	Quyết định bổ nhiệm Kế toán trưởng ông Phan Thanh Hải
36	23 QĐ-SICCO-HĐQT	16/8/2016	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt dự án đầu tư năm 2016- Giai đoạn 2.1
37	24 QĐ-SICCO-HĐQT	17/8/2016	Quyết định của HĐQT về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư năm 2016 - GĐ 2.1
38	25 QĐ-SICCO-HĐQT	01/9/2016	Quyết định kiện toàn tổ thẩm định dự án đầu tư
39	26 QĐ-SICCO-HĐQT	19/8/2016	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu gói thầu XM01- giai đoạn 2.1
40	26.1 QĐ-SICCO-HĐQT	22/8/2016	Quyết định ủy quyền quan hệ với các tổ chức tín dụng (Mr Đại UQ cho MR Tuấn)
41	27 QĐ-SICCO-HĐQT	29/8/2016	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM01- giai đoạn 2.1
42	28 QĐ-SICCO-HĐQT	13/9/2016	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành - Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015
43	29 QĐ-SICCO-HĐQT	14/9/2016	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt dự án đầu tư năm 2016 - GĐ 2.2
44	30 QĐ-SICCO-HĐQT	16/9/2016	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư năm 2016- GĐ 2.2
45	30.1 QĐ-SICCO-HĐQT	27/9/2016	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu chỉ định thầu gói thầu XM01- giai đoạn 2.2
46	30.2 QĐ-SICCO-HĐQT	28/9/2016	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu XM03- Dự án đầu tư 2016 GĐ1
47	30.3 QĐ-SICCO-HĐQT	04/10/2016	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM01- giai đoạn 2.2
48	30.4 QĐ-SICCO-HĐQT	05/10/2016	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu XM03- Dự án đầu tư 2016 GĐ1

49	31 QĐ-SICCO-HĐQT	07/10/2016	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt dự án đầu tư năm 2016 GĐ3
50	32 QĐ-SICCO-HĐQT	08/10/2016	Quyết định về việc điều chuyển chức năng, nhiệm vụ phòng KD ĐT sang phòng KTKH
51	33 QĐ-SICCO-HĐQT	08/10/2016	Quyết định của HĐQT về phê duyệt dự án đầu tư năm 2010 - GĐ 3.1
52	33.1 QĐ-SICCO-HĐQT	08/10/2016	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư năm 2016 - GĐ 3.1
53	33.2 QĐ-SICCO-HĐQT	08/10/2016	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu XM01 GĐ 3.1
54	33.3 QĐ-SICCO-HĐQT	10/10/2016	Quyết định phê duyệt kết quả nhà thầu gói XM02 GĐ 3.1
55	33.4 QĐ-SICCO-HĐQT	10/10/2016	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói XM01 GĐ 3.1
56	34 QĐ-SICCO-HĐQT	18/10/2016	Quyết định về việc phê duyệt dự án đầu tư năm 2016 giai đoạn 4
57	35 QĐ-SICCO-HĐQT	01/11/2016	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh gói thầu XM03 GĐ 3.1
	36 QĐ-SICCO-HĐQT	09/11/2016	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói XM03 GĐ 3.1
58	37 QĐ-SICCO-HĐQT	12/12/2016	Quyết định phê duyệt phương án tăng hạn mức tín dụng năm 2016 tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam Chi nhánh Hà tây
59	01 QĐ-SICCO-HĐQT	13/01/2016	Quyết định của HĐQT về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành - Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015- giai đoạn 1

2. Ban kiểm soát

.1 Thành viên BKS và cơ cấu của BKS

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp(%)	Lý do không tham dự họp
1	Bà Trần Thị Len	TBKS	24/04/2015	2/2	100	
2	Ông Cao Lữ Phi Hùng	TV	15/07/2015	2/2	100	
3	Bà Quách Thị Thanh Thủy	TV	28/04/2016	1/2	50	Bổ nhiệm 28/04/2016
4	Ông Quản Thanh Sơn	TV	24/04/2015	1/2	50	Miễn nhiệm 28/04/2016

.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát đã tham gia các buổi họp Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh năm 2016 của Công ty. Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và quy định pháp luật có liên quan. Ban Tổng giám đốc công ty đã và đang triển khai thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

Ban Kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các bộ phận chức năng của Công ty phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi trong việc cập nhật tình hình hoạt động Công ty, thu thập thông tin, tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền thù lao	Tiền lương thưởng
A	**Hội đồng quản trị**			
1	Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch HĐQT	7.583.333	
2	Nguyễn Chính Đại	Thành viên HĐQT	72.000.000	
3	Triệu Quang Hà	Thành viên HĐQT	48.000.000	
4	Lương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	72.000.000	
5	Hoàng Công Tuấn	Thành viên HĐQT	72.000.000	
6	Nguyễn Văn Phúc	Thành viên HĐQT	24.000.000	
B	**Ban kiểm soát**			
1	Trần Thị Len	Trưởng BKS	60.000.000	
2	Cao Lữ Phi Hùng	Thành viên BKS	48.000.000	
3	Quản Thanh Sơn	Thành viên BKS	16.000.000	
4	Quách Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	32.000.000	
C	**Ban Giám đốc**			

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền thù lao	Tiền lương thưởng
1	Nguyễn Chính Đại	Giám đốc		383.359.286
2	Hoàng Công Tuấn	Phó giám đốc		441.848.426
3	Nguyễn Quang Hưng	Phó giám đốc		353.815.286
4	Nguyễn Cao Hải	Phó giám đốc		180.690.000
5	Lê Công Viên	Phó Giám đốc		77.621.786

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,..)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

V. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được thành lập theo Quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 11 tháng 08 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch HĐQT	
- Ông Nguyễn Chính Đại	Thành viên HĐQT	
- Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 28/04/2016
- Ông Hoàng Công Tuấn	Thành viên HĐQT	
- Ông Lương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	
- Ông Triệu Quang Hà	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 28/04/2016

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Nguyễn Chính Đại	Giám đốc	
- Ông Hoàng Công Tuấn	Phó giám đốc	
- Ông Nguyễn Quang Hưng	Phó giám đốc	
- Ông Nguyễn Cao Hải	Phó giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02/05/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

- Bà Trần Thị Len	Trưởng BKS	
- Ông Quản Thanh Sơn	Thành viên BKS	Miễn nhiệm ngày 28/04/2016
- Ông Cao Lữ Phi Hùng	Thành viên BKS	
- Quách Thị Thanh Thủy	Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 28/04/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

(Đã ký)

Nguyễn Chính Đại

Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Số: /2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được lập ngày 18 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế

toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

(đã ký)	*(đã ký)*
Vũ Xuân Biển	**Trương Thị Hoài Anh**
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán	Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1	Số: 2446-2013-002-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		**435,817,526,693**	**279,205,563,822**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	**3**	**59,401,556,239**	**17,799,277,018**
111	1. Tiền		46,401,556,239	17,799,277,018
112	2. Các khoản tương đương tiền		13,000,000,000	-
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**4**	**20,250,000,000**	**18,536,671,886**
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	18,286,671,886
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		20,250,000,000	250,000,000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**172,976,662,166**	**124,991,789,802**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	138,878,707,512	106,233,067,436
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	24,602,004,731	8,442,250,039
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	15,170,676,539	11,036,303,089
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5,674,726,616)	(719,830,762)
140	**IV. Hàng tồn kho**	**9**	**175,237,601,632**	**113,978,904,872**
141	1. Hàng tồn kho		175,258,639,164	113,999,942,404
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21,037,532)	(21,037,532)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**7,951,706,656**	**3,898,920,244**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	645,524,347	560,431,968
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7,123,208,569	3,338,488,276
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	182,973,740	-
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**130,783,582,995**	**83,368,929,761**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**395,960,000**	**8,000,000**
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	395,960,000	8,000,000
220	**II. Tài sản cố định**		**122,936,838,261**	**76,311,622,717**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	122,936,838,261	76,311,622,717
222	*- Nguyên giá*		*178,972,982,389*	*117,853,748,775*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(56,036,144,128)*	*(41,542,126,058)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**		**-**	**2,669,800,221**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	2,669,800,221
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**7,450,784,734**	**4,379,506,823**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	7,450,784,734	4,379,506,823
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**566,601,109,688**	**362,574,493,583**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số		NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
300	**C.**	**NỢ PHẢI TRẢ**		**439,319,939,719**	**237,966,689,484**
310	**I.**	**Nợ ngắn hạn**		**400,115,527,382**	**214,442,228,556**
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	12	80,338,248,363	45,334,860,919
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	83,439,894,636	43,541,501,245
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	341,969,177	5,103,879,760
314	4.	Phải trả người lao động		18,386,695,949	12,537,207,510
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	15	10,681,915,081	3,292,942,583
319	6.	Phải trả ngắn hạn khác	16	2,673,560,128	4,401,593,758
320	7.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	202,806,148,843	99,467,812,298
322	8.	Quỹ khen thưởng phúc lợi		1,447,095,205	762,430,483
330	**II.**	**Nợ dài hạn**		**39,204,412,337**	**23,524,460,928**
338	1.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	17	39,204,412,337	23,524,460,928
400	**D.**	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**127,281,169,969**	**124,607,804,099**
410	**I.**	**Vốn chủ sở hữu**	**18**	**127,281,169,969**	**124,607,804,099**
411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu		100,000,000,000	100,000,000,000
411a		*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*100,000,000,000*	*100,000,000,000*
418	2.	Quỹ đầu tư phát triển		6,750,741,041	4,722,740,999
421	3.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		20,530,428,928	19,885,063,100
421a		*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*16,500,663,036*	*5,829,551,535*
421b		*LNST chưa phân phối năm nay*		*4,029,765,892*	*14,055,511,565*
440		**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**566,601,109,688**	**362,574,493,583**

(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*
Lê Thị Thu Hiền	**Phan Thanh Hải**	**Nguyễn Chính Đại**
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2016

Mẫu số: B02-HN
Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**	**357,658,356,741**	**292,273,178,295**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**357,658,356,741**	**292,273,178,295**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	**21**	**315,104,422,683**	**250,069,656,433**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**42,553,934,058**	**42,203,521,862**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	5,537,041,896	4,218,199,243
22	7. Chi phí tài chính	23	13,380,014,600	11,036,205,932
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*13,218,552,094*	*10,723,409,654*
25	8. Chi phí bán hàng		-	44,181,818
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	30,480,207,082	16,652,479,267
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**4,230,754,272**	**18,688,854,088**
31	11. Thu nhập khác	25	1,234,536,925	224,603,092
32	12. Chi phí khác	26	543,996,281	790,102,658
40	**13. Lợi nhuận khác**		**690,540,644**	**(565,499,566)**
50	**14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**4,921,294,916**	**18,123,354,522**
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	891,529,024	4,067,842,957
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**4,029,765,892**	**14,055,511,565**
70	**18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**28**	**403**	**1,718**

(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*
Lê Thị Thu Hiền	**Phan Thanh Hải**	**Nguyễn Chính Đại**
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***4,921,294,916***	***18,123,354,522***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14,494,018,070	9,597,278,977
03	- Các khoản dự phòng		4,954,895,854	115,062,363
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3,285,800,221)	(510,435,321)
06	- Chi phí lãi vay		13,218,552,094	10,723,409,654
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***34,302,960,713***	***38,048,670,195***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(54,930,065,198)	(12,324,143,714)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(61,258,696,760)	(36,172,181,308)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		85,785,547,562	11,743,225,382
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2,090,477,290)	(2,422,154,288)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		18,286,671,886	(18,286,671,886)
	Chứng khoán kinh doanh cuối kỳ (CĐKT)		-	
	Chứng khoán kinh doanh đầu kỳ (CĐKT)		*(18,286,671,886)*	
14	- Tiền lãi vay đã trả		(13,030,803,470)	(10,687,333,500)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5,431,891,372)	(2,473,257,531)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	149,500,000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(671,735,300)	(1,047,114,754)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***961,510,771***	***(33,471,461,404)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(60,564,733,614)	(34,097,592,952)

22	2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-		227,272,727
23	3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(20,000,000,000)		(250,000,000)
27	4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2,187,214,110		454,162,594
30		***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***	***(78,377,519,504)***		***(33,666,157,631)***
	III.	**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**			
31	1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-		45,000,000,000
33	2.	Tiền thu từ đi vay	371,848,062,498		280,165,522,788
34	3.	Tiền trả nợ gốc vay	(252,829,774,544)		(256,053,495,334)
40		***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***	***119,018,287,954***		***69,112,027,454***
50		**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**	**41,602,279,221**		**1,974,408,419**
60		**Tiền và tương đương tiền đầu năm**	**17,799,277,018**		**15,824,868,599**
70		**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	**3**	**59,401,556,239**	**17,799,277,018**

(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*
Lê Thị Thu Hiền	**Phan Thanh Hải**	**Nguyễn Chính Đại**
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2016

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 được thành lập theo Quyết định số 29/2010/QĐ-HĐQT ngày 08/05/2010 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 9 về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Cơ khí và Sửa chữa Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 5 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 11 tháng 08 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100 tỷ đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 100.000.000.000 đồng; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất, xây dựng công trình cửa như: đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống... Đập và đê, xây dựng đường hầm; các công việc xây dựng khác không phải nhà như: các công trình thể thao ngoài trời;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước, Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng trèo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển.
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật cồng kềnh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển ~~khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí;~~ Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy

phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rowle, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp.

- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Sản xuất , truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu: Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại.

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau :	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	Sóc Trăng – Việt Nam	Xây lắp

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 – 40 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	04 – 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 – 08 năm

2.8 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

2.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.10 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - Hợp đồng xây dựng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

2.15 Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.16 Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm tài chính trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

2.17 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết

trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	579,364,526	547,178,595
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45,822,191,713	17,252,098,423
Các khoản tương đương tiền	13,000,000,000	-
	59,401,556,239	**17,799,277,018**

Tại 31/12/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 13 tỷ đồng được gửi tại ngân hàng thương mại TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4,3%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	7,777	20,250,000,000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn	7,777	250,000,000	-	-
- Trái phiếu	-	20,000,000,000	-	-
	7,777	20,250,000,000	-	-

b) Chứng khoán kinh doanh

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty CP SCI	32,440,407,308	-
Công ty TNHH Năng lượng SOVICO - Nghệ An	47,897,848,488	-
Công ty CP Sông Đà 9	-	13,407,291,679

VPĐD TCT Sông Đà - Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	-	14,300,024,926
Công ty CP Licogi 13	-	15,643,046,996
Công ty CP Sông Đà 5	-	12,922,369,957
Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 8 - CTCP	-	11,227,394,000
Chi nhánh TCT CP Dịch vụ KT Dầu khí Việt Nam - Ban điều hành Nhiệt điện Long Phú	-	11,321,376,061
Các khoản phải thu khách hàng khác	58,540,451,716	27,411,563,817
	138,878,707,512	**106,233,067,436**

b) **Phải thu khách hàng là các bên liên quan** **80,338,255,796** -

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán chi tiết theo đối tượng				
Công ty TNHH TM Guangzhou Yaohuang	16,433,458,542	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	8,168,546,189	-	8,442,250,039	-
	24,602,004,731	-	**8,442,250,039**	-

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) **Ngắn hạn**				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,098,586,111	-	-	-
Tạm ứng	6,703,212,231	-	4,458,970,142	-
Phải thu tiền vật tư tạm ứng cho các công trình	3,871,868,181	-	1,166,850,555	-
Phải thu tiền tạm ứng lương cho người lao động	350,938,120	-	811,721,694	-
Tiền bán chứng khoán 3 ngày cuối chưa về	-	-	1,861,703,250	-
Công ty CP Sản xuất thương mại và KT toàn cầu	1,298,150,000	-	1,298,150,000	-

Tiền khối lượng tại Công trình Hạ Long	-	-	381,192,683	-
Phải thu khác	1,847,921,896	-	1,057,714,765	-
	15,170,676,539	**-**	**11,036,303,089**	**-**

b) **Dài hạn**

Ký cược, ký quỹ	395,960,000	-	8,000,000	-
	395,960,000	**-**	**8,000,000**	**-**

8. NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Chi nhánh TCT Thành An tại Hoà Bình	266,288,815	-	266,288,815	-
- Công ty CA VICO Việt Nam xây dựng giao thông	70,000,737	-	70,000,737	-
- Công ty CP XL và PT Thành Nam	6,248,083,094	4,373,658,166	-	-
- Công ty CP Licogi 13	6,843,046,996	4,790,132,897	-	-
- Công ty CP Xây dựng dịch vụ và Thương mại 68	3,425,189,422	2,397,632,595	-	-
- Các khoản khác	383,541,210	-	383,541,210	-
	17,236,150,274	**11,561,423,658**	**719,830,762**	**-**

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	26,963,887,018	(21,037,532)	11,582,323,285	(21,037,532)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	148,294,752,146	-	102,417,619,119	-
	175,258,639,164	**(21,037,532)**	**113,999,942,404**	**(21,037,532)**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chi tiết theo công trình:

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND

Công trình QL1 - Phú Yên	12,129,135,861	12,129,135,861	11,842,870,189	11,842,870,189
Công trình đường Hồ Chí Minh - Đà Nẵng	7,485,541,455	7,485,541,455	11,950,088,865	11,950,088,865
Công trình đường Thà Làu - Sầm Tày tại Lào (gói 2)	6,686,385,900	6,686,385,900	6,679,214,354	6,679,214,354
Công trình Lèng Beng - Lào	4,995,922,718	4,995,922,718	4,995,922,718	4,995,922,718
Công trình Thủy điện Lai Châu	5,497,499,455	5,497,499,455	5,575,840,859	5,575,840,859
Công trình bến nhập thiết bị Nhiệt điện Long Phú	4,700,197,299	4,700,197,299	26,191,664,095	26,191,664,095
Hạng mục đóng cọc nhà máy Nhiệt điện Long Phú	63,033,939,121	63,033,939,121	24,486,033,040	24,486,033,040
Công trình Thủy điện Canan 2	17,469,781,564	17,469,781,564	682,317,124	682,317,124
Kho Sotrans - Vũng Tàu	7,945,935,543	7,945,935,543	-	-
Các công trình khác	18,350,413,230	18,350,413,230	10,013,667,875	10,013,667,875
	148,294,752,146	**148,294,752,146**	**102,417,619,119**	**102,417,619,119**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	11,221,128,927	67,553,692,239	38,703,540,692	375,386,917	117,853,748,775
- Mua trong năm	-	46,202,592,706	14,876,381,818	40,259,090	61,119,233,614
Số dư cuối năm	**11,221,128,927**	**113,756,284,945**	**53,579,922,510**	**415,646,007**	**178,972,982,389**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	6,237,108,792	21,302,320,901	13,755,295,027	247,401,338	41,542,126,058
- Khấu hao trong năm	280,528,224	9,383,880,610	4,771,616,730	57,992,506	14,494,018,070
Số dư cuối năm	**6,517,637,016**	**30,686,201,511**	**18,526,911,757**	**305,393,844**	**56,036,144,128**
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	4,984,020,135	46,251,371,338	24,948,245,665	127,985,579	76,311,622,717
Tại ngày cuối năm	**4,703,491,911**	**83,070,083,434**	**35,053,010,753**	**110,252,163**	**122,936,838,261**

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8,413,893,170 đồng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
a)	**Ngắn hạn**		
	Công cụ dụng cụ xuất dùng	628,643,316	92,040,510
	Chi phí trả trước ngắn hạn khác	16,881,031	468,391,458
		645,524,347	**560,431,968**
b)	**Dài hạn**		
	Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	5,557,731,304	723,477,489
	Chi phí sửa chữa văn phòng	1,893,053,430	3,656,029,334
		7,450,784,734	**4,379,506,823**

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

		31/12/2016		01/01/2016	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND
a)	**Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**				
	Công ty CP DVC Việt Nam	10,519,685,177	10,519,685,177	8,734,221,171	8,734,221,171
	Công ty CP SCI	13,735,674,564	13,735,674,564	6,827,454,670	6,827,454,670
	Phải trả các đối tượng khác	56,082,888,622	56,082,888,622	29,773,185,078	29,773,185,078
		80,338,248,363	**80,338,248,363**	**45,334,860,919**	**45,334,860,919**
b)	**Phải trả người bán là các bên liên quan**	**13,895,254,688**	**13,895,254,688**	**6,827,454,670**	**6,827,454,670**

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
a)	**Người mua trả tiền trước ngắn hạn chi tiết theo đối tượng**		
	Công ty TNHH Năng lượng SOVICO - Nghệ An	49,713,253,462	-
	CN TCT CP Dịch vụ KT Dầu khí VN - BDA NĐ Long Phú	29,370,854,216	33,329,603,077
	Công ty CP Sông Đà 5	-	7,747,658,168
	Các đối tượng khác	4,355,786,958	2,464,240,000
		83,439,894,636	**43,541,501,245**
b)	**Người mua trả tiền trước là các bên liên quan**	**52,305,040,420**	**884,000,000**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	4,487,498,627	891,529,024	5,431,891,372	52,863,721	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	218,481,435	575,803,196	497,110,504	-	297,174,127
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	286,759,450	36,923,670	453,793,139	130,110,019	-
Các loại thuế khác	-	5,190,507	-	-	-	5,190,507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	105,949,741	100,579,933	166,925,131	-	39,604,543
	-	**5,103,879,760**	**1,604,835,823**	**6,549,720,146**	**182,973,740**	**341,969,177**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	372,507,333	184,758,709
- Tiền vật tư sử dụng quá định mức phải trả	470,085,917	470,085,917
- Trích trước chi phí các công trình	9,774,321,831	2,486,052,727
- Chi phí phải trả khác	65,000,000	152,045,230
	10,681,915,081	**3,292,942,583**

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	170,996,681	115,916,567
- Bảo hiểm xã hội	268,331,419	292,110,167
- Bảo hiểm y tế	-	9,142,610
- Bảo hiểm thất nghiệp	38,332,320	20,260,000
- Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	1,581,524,000	1,024,496,181
- Lãi chậm nộp Bảo hiểm xã hội	6,447,436	3,782,722
- Ứng trước tiền bán chứng khoán	-	1,857,482,664
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	607,928,272	1,078,402,847
	2,673,560,128	**4,401,593,758**

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

		01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
a)	**Vay ngắn hạn**						
	Vay ngắn hạn	**90,477,100,086**	**90,477,100,086**	**328,565,101,411**	**237,230,052,430**	**181,812,149,067**	**181,812,149,067**
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (1)	80,583,783,011	80,583,783,011	234,847,659,194	196,783,912,926	118,647,529,279	118,647,529,279
	- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (2)	9,893,317,075	9,893,317,075	76,217,442,217	38,946,139,504	47,164,619,788	47,164,619,788
	- Công ty Cổ phần SCI (3)	-	-	15,000,000,000	800,000,000	14,200,000,000	14,200,000,000
	- Ông Phan Dương Mạnh (4)	-	-	1,500,000,000	700,000,000	800,000,000	800,000,000
	- Ông Nguyễn Công Hòn (4)	-	-	1,000,000,000	-	1,000,000,000	1,000,000,000
	Nợ dài hạn đến hạn trả	**8,990,712,212**	**8,990,712,212**	**27,030,859,678**	**15,027,572,114**	**20,993,999,776**	**20,993,999,776**
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (5)	7,620,512,212	7,620,512,212	22,592,759,678	12,784,022,114	17,429,249,776	17,429,249,776
	- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (6)	1,370,200,000	1,370,200,000	4,438,100,000	2,243,550,000	3,564,750,000	3,564,750,000
		99,467,812,298	**99,467,812,298**	**355,595,961,089**	**252,257,624,544**	**202,806,148,843**	**202,806,148,843**
b)	**Vay dài hạn**						
	- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Hà Tây (5)	28,316,223,140	28,316,223,140	29,949,993,400	12,784,022,114	45,482,194,426	45,482,194,426
	- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (6)	4,198,950,000	4,198,950,000	13,332,967,687	2,815,700,000	14,716,217,687	14,716,217,687
		32,515,173,140	**32,515,173,140**	**43,282,961,087**	**15,599,722,114**	**60,198,412,113**	**60,198,412,113**
	Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(8,990,712,212)	(8,990,712,212)	(27,030,859,678)	(15,027,572,114)	(20,993,999,776)	(20,993,999,776)
	Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	**23,524,460,928**	**23,524,460,928**			**39,204,412,337**	**39,204,412,337**

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**50,000,000,000**	**3,534,309,465**	**13,167,324,506**	**66,701,633,971**
Tăng vốn trong năm trước	50,000,000,000	-	(5,000,000,000)	45,000,000,000
Lãi trong năm trước	-	-	14,055,511,565	14,055,511,565
Phân phối lợi nhuận	-	1,188,431,534	(1,822,261,686)	(633,830,152)
Giảm khác	-	-	(515,511,285)	(515,511,285)
Số dư cuối năm trước	**100,000,000,000**	**4,722,740,999**	**19,885,063,100**	**124,607,804,099**
Số dư đầu năm nay	**100,000,000,000**	**4,722,740,999**	**19,885,063,100**	**124,607,804,099**
Lãi trong năm nay	-	-	4,029,765,892	4,029,765,892
Phân phối lợi nhuận	-	2,028,000,042	(3,109,600,064)	(1,081,600,022)
Giảm khác (*)	-	-	(274,800,000)	(274,800,000)
Số dư cuối năm nay	**100,000,000,000**	**6,750,741,041**	**20,530,428,928**	**127,281,169,969**

(*) Giảm khác bao gồm thù lao Hội đồng quản trị không chuyên trách và chi phí họp Đại hội đồng cổ đông.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01-NQ/SICCO/ĐHĐCĐ ngày 28/04/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	(%)	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân phối	100.00%	19,885,063,100
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10.20%	2,028,000,042
Thù lao HDQT và BKS không chuyên trách (đã chi năm 2015)	1.21%	240,000,000

Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.44%	1,081,600,022
Chi trả cổ tức (bằng 5% vốn điều lệ) (**)	25.14%	5,000,000,000
Lợi nhuận chưa phân phối	58.01%	11,535,463,036

(**) Đến thời điểm 31/12/2016, Công ty chưa có Thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam nên Công ty chưa ghi giảm Lợi nhuận chưa phân phối đối với giá trị cổ tức được phân phối theo Nghị Quyết Đại Hội đồng cổ đông.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Công ty CP SCI	51.00%	51,000,000,000	51.00%	51,000,000,000
- Công ty CP Giải pháp Công nghệ cao SIFO	13.00%	13,000,000,000	0.00%	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	0.00%	-	7.81%	7,810,000,000
- Các cổ đông khác	36.00%	36,000,000,000	41.19%	41,190,000,000
	100%	**100,000,000,000**	**100%**	**100,000,000,000**

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100,000,000,000	100,000,000,000
- *Vốn góp đầu năm*	*100,000,000,000*	*50,000,000,000*
- *Vốn góp tăng trong năm*	-	*50,000,000,000*
- *Vốn góp cuối năm*	*100,000,000,000*	*100,000,000,000*

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10,000,000	10,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10,000,000	10,000,000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*10,000,000*	*10,000,000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10,000,000	10,000,000
- *Cổ phiếu phổ thông*	*10,000,000*	*10,000,000*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

đ) Cổ tức

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:	5,000,000,000	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	5,000,000,000	-
	5,000,000,000	-

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	6,750,741,041	4,722,740,999
	6,750,741,041	**4,722,740,999**

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	162.95	113.92

20. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu hoạt động xây lắp	350,177,618,362	278,453,385,403
Doanh thu bán hàng hóa	4,257,547,743	10,410,709,616
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3,223,190,636	3,409,083,276
	357,658,356,741	**292,273,178,295**
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34.)	**166,441,677,155**	**2,457,566,932**

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây lắp	308,914,864,573	237,477,214,952
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3,488,742,187	10,026,963,579
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2,700,815,923	2,565,477,902
	315,104,422,683	**250,069,656,433**

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2,255,800,221	104,162,594
Lãi bán các khoản đầu tư	2,213,124,864	3,764,036,649
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1,030,000,000	350,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	38,116,811	-
	5,537,041,896	**4,218,199,243**

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	13,218,552,094	10,723,409,654
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	246,653,717
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	122,356,437	-
Chi phí tài chính khác	39,106,069	66,142,561
	13,380,014,600	**11,036,205,932**

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2,530,786,963	1,577,109,479
Chi phí nhân công	11,130,866,499	6,457,694,854
Chi phí khấu hao tài sản cố định	996,024,624	1,150,586,946
Thuế, phí, lệ phí	523,686,381	425,941,116
Chi phí dự phòng	4,954,895,854	115,062,363
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,402,507,812	3,976,867,090
Chi phí khác bằng tiền	5,941,438,949	2,949,217,419
	30,480,207,082	**16,652,479,267**

25. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	56,272,727
Thu nhập từ bán thiết bị sản xuất	236,500,000	163,636,364
Hạch toán xử lý công nợ	441,739,786	-
Tiền thưởng hoàn thành tiến độ	95,504,000	-
Tiền hoàn thuế đất nộp thừa	453,793,139	-
Thu nhập khác	7,000,000	4,694,001
	1,234,536,925	**224,603,092**

26. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tiền phạt vi phạm hành chính và thuế	166,970,936	486,967,157
Tiền phạt chậm nộp BHXH	44,261,982	32,873,581
Giá trị còn lại của thiết bị sản xuất	-	269,931,818
Phạt vi phạm hợp đồng	83,000,000	-
Chi phí khác	249,763,363	330,102
	543,996,281	**790,102,658**

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4,921,294,916	18,123,354,522
Các khoản điều chỉnh tăng	652,885,080	716,840,738
- *Chi phí không hợp lệ*	*215,936,469*	*519,840,738*
- *Doanh thu theo BB thuế không xuất hóa đơn*	*436,948,611*	-
- *Chi phí phát hành tăng vốn*	-	*197,000,000*
Các khoản điều chỉnh giảm	(1,116,534,875)	(350,000,000)
- *Cổ tức, lợi nhuận được chia*	*(1,030,000,000)*	*(350,000,000)*

- *Lợi nhuận đã nộp thuế TNDN*	*(86,534,875)*	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	4,457,645,121	18,490,195,260
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**891,529,024**	**4,067,842,957**
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	73,257,531
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	4,487,498,627	2,819,655,670
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(5,431,891,372)	(2,473,257,531)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	**(52,863,721)**	**4,487,498,627**

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	4,029,765,892	14,055,511,565
Các khoản điều chỉnh	-	(1,124,440,925)
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)	-	*(1,124,440,925)*
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4,029,765,892	12,931,070,640
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10,000,000	7,527,473
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**403**	**1,718**

Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu. (*) Công ty đang tạm tính dựa trên tỷ lệ phân phối lợi nhuận của Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên 2015 số 01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015, tỷ lệ trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi là 8%.

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	170,937,888,246	83,480,598,542
Chi phí nhân công	67,099,615,193	20,344,329,405
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14,494,018,070	9,597,278,977
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111,245,936,453	107,380,062,422
Chi phí khác bằng tiền	19,240,666,789	58,973,868,912
Chi phí dự phòng	4,954,895,854	-
	387,973,020,605	**279,776,138,258**

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	59,401,556,239	-	17,799,277,018	-
Phải thu khách hàng, phải thu	154,445,344,051	(5,674,726,616)	117,277,370,525	(719,830,762)
Đầu tư ngắn hạn	20,250,000,000	-	18,536,671,886	-
	234,096,900,290	**(5,674,726,616)**	**153,613,319,429**	**(719,830,762)**

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	242,010,561,180	122,992,273,226
Phải trả người bán, phải trả khác	83,011,808,491	49,736,454,677
Chi phí phải trả	10,681,915,081	3,292,942,583
	335,704,284,752	**176,021,670,486**

31. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

		Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
a)	**Số tiền đi vay thực thu trong năm**		
	Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	371,848,062,498	280,165,522,788
b)	**Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**		
	Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	252,829,774,544	256,053,495,334

32. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là hoạt động xây lắp và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:		393,167,958,070	129,604,161,260
	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Góp vốn		-	**51,000,000,000**
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	-	51,000,000,000
Mua hàng		**15,142,301,880**	**11,344,513,698**
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	14,995,371,824	11,344,513,698
Công ty TNHH Năng lượng SOVICO - Nghệ An	Công ty cùng tập đoàn	146,930,056	-
Bán hàng và cung cấp dịch vụ xây lắp		**166,441,677,155**	**2,457,566,932**
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	89,714,996,842	2,457,566,932
Công ty TNHH Năng lượng SOVICO - Nghệ An	Công ty cùng tập đoàn	76,726,680,313	-
Đi vay		**15,000,000,000**	-
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	15,000,000,000	-
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:		160,800,590,216	15,422,909,340
	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		**80,338,255,796**	-
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	32,440,407,308	-
Công ty TNHH Năng lượng SOVICO - Nghệ An	Công ty cùng tập đoàn	47,897,848,488	-
Phải trả người bán ngắn hạn		**13,895,254,688**	**6,827,454,670**
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	13,735,674,564	6,827,454,670
Công ty TNHH Năng lượng SOVICO - Nghệ An	Công ty cùng tập đoàn	159,580,124	-
Người mua trả tiền trước		**52,305,040,420**	**884,000,000**
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	2,591,786,958	884,000,000
Công ty TNHH Năng lượng SOVICO - Nghệ An	Công ty cùng tập đoàn	49,713,253,462	-
Vay ngắn hạn		**14,200,000,000**	-
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	14,200,000,000	-
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:		2,208,810,257	1,743,956,984
		Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		2,208,810,257	1,743,956,984

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

(Đã ký)	*(Đã ký)*	*(Đã ký)*
Lê Thị Thu Hiền	**Phan Thanh Hải**	**Nguyễn Chính Đại**
Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ ĐẦU TƯ SÔNG ĐÀ 9

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Chính Đại